

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|-------------------------|
| — Thiết thực | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Nghiên cứu về Nguyễn Du và truyện Kiều (Nhấn đọc một cuốn sách mới) | ĐINH GIA TRINH |
| — Trôi rạt (Truyện ngắn) | HỒ MAI DỊCH |
| — Nghề chăn nuôi trâu bò ở xứ ta | NGHIÊM XUÂN YÊM |
| — Bút ký : Một đêm sao | XUÂN DIỆU |
| — Đền chùa Việt-nam ở xứ Cao-mên | Thúc-ngọc TRẦN VĂN GIÁP |
| — Tư-tưởng xã-hội học hiện đại: Phê bình học thuyết Le Play | A. A. dịch |
| — Văn-dề sử học: Nhà Nguyễn, nhà Lê | NGUYỄN THIẾU LẬU |
| — Đời sống Đông-dương: Việc trừng phạt trộm cướp trong thời-kỳ chiến-tranh và sự tổ-chức tư-pháp cảnh-sát | TAN PHONG |
| — Việc quốc tế | B. B. D. |

NĂM THỨ BA: SỐ 65 - NGÀY 13 MÃI 1944

BAO THANH NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 20 Mai 1944

- | | |
|--|--------------------|
| — Lạc quan. | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Kết luận về cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu-Tây. | VŨ VĂN HIỀN |
| — Chương trình và phương-pháp dạy khoa luân-lý
trong các lớp Cao-đẳng bình dân. | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Phê bình học thuyết Le Play (Tiếp theo) | A. A. dịch |
| — Trôi rạt (Tiếp theo) | HỒ MAI dịch |
| — Sử ta so với sử Tàu. | Ứng-hòe NG. VĂN TỐ |
| — Nghiên cứu về Nguyễn Du và truyện Kiều (Tiếp
theo). | DINH GIA TRINH |
| — Những bước đi ngang | ĐỖ ĐỨC THU |

THÔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Các người không thể trở lại cái thời
cũ được. Các người hãy một lòng hợp
tác để đợi cuộc hòa bình, đừng để
trong nước rối ren. Chính-phủ phải
được nhân-dân trọng vọng mà tuân
theo.

Ô-TÔ... NHA LẦU
CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH
SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI
BỎ 1 \$ 00 MUA
VÉ SỔ SỐ ĐÔNG - PHÁP

HAI QUYỀN SÁCH MỚI
= TRONG « TỦ SÁCH XÃ HỘI » TÂN VIỆT =
ĐÃ CÓ BÁN :

Chính trị đại cu'ong

của NGUYỄN PHƯƠNG NAM — Giá 3\$70

- Phân tích rõ ràng các phương pháp tổ chức chính-trị.
- Giải thích và bình luận những vấn đề thiết yếu trong
chính-trị học hiện đại — Trình bày giản dị những chính
thể đã thực hiện và những đường đi của hiến pháp.

ĐANG IN: CHỦ NGHĨA TAM DÂN

Ở Hanoi sách chỉ bán tại
TÂN VIỆT 29 Lamblot (HANOI)

Sắp phát hành :

VƯƠNG DƯƠNG MINH

của PHAN VĂN HÙM

- Một quyền sách quý trong
« Tủ sách triết-học » TÂN-VIỆT
- Một tác phẩm khảo về thân
thể và học thuyết của VƯƠNG
DƯƠNG MINH mà ta có thể tự
phụ rằng từ xưa đến nay khắp
thế-giới chưa có quyền nào
được rành mạch hơn.

Sách dày 500 trang — có 3 bức
địa-đồ và 10.000 chữ Hán.

Bìa Litho 5 màu

(Vì giấy khan, nên chỉ in có 500 quyển)

THIỆT THỰC

— « Anh không phải nói nhiều. Những ước mong xa - xôi, đã là người biết nghĩ đôi chút, trong lúc này, ai là không thấy sôi nổi trong lòng. Điều anh bày tỏ có phải là một tư tưởng đê u, mà cần phải liên thuyết hàng-hồn để chính phục người nghe. Nó là một nhu cầu, ở từng trên trong đời sống tinh thần, nhưng có sức mạnh như những nhu cầu thuộc về sinh lý, có những sợi giây tương cảm dằng buộc với từng thớ thịt, mà một nhời nói đầu tiên của anh đã đi làm rung - động...

Hãy khoan! Tôi biết anh nóng ruột lắm. Những ý tốt ai cũng sẵn có, cả bọn tội-nhân ở âm-phủ! Anh định nói thế chứ gì? Phải thực-hành những ý hay. Phải hoạt động. Mọi việc đang rồn rập. Còn đợi đến bao giờ...

Quý hóa thay, cái lòng hăng hái bùng bột! Nó là điều kiện thiết yếu cho sự thành công, miễn là được làm bền. Để giữ giữ ngọn lửa ấy, phải ủ nó bằng một chất đượm nồng không phải là « cớ » hay dầu « xăng » làm nổi bùng bùng trong chỗ, lát những cánh buồm ngoạn mục, nhưng là đo, là chắt, là gạt của quả mùa, chỉ đủ làm âm ỷ cái sức nóng mà, khi cần đến, một làn gió nhẹ sẽ làm nổi lên cả một đám cháy bừng bừng.

Tôi cũng như anh, thấy một cái gì mạnh lắm, thiêng liêng lắm nó thổi thúc để hoạt động. Đối với anh, lòng hái, hy sinh, thế là đủ. Dù hồng, dù được, anh không cần. Trong cuộc buồn to, vốn liếng không cần bằng can trường: Phải biết liều. Tôi thì khác. Tôi tính toán. Tôi cũng nghĩ rằng có đến lúc phải liều. Nhưng trước khi đến lúc ấy, tôi tính toán đã. Có lẽ đây là một sự kén. Vì tính toán là cân nhắc, là bản khoán, là rứt rứt, là có khi chịu khoanh tay bất lực. Nhưng biết làm sao? Mỗi người hành động theo một lối hợp với bản chất thiên bẩm của mình.

Tôi tính toán để tìm một lối hoạt-động thiết-thực.

Thiết thực là trái với ảo tưởng.

Thiết thực là gốc ở Thực sự.

Tôi kinh-phục sự can-đảm của những bậc chỉ biết hy-sinh, không đo lường lợi hại. Nhưng anh cũng phải công nhận rằng phải có chút can đảm mới dám nhìn sự thực; nhiều khi buồn nản.

Hoạt động một cách thiết thực là phải dựa vào những sự thực không có gì là mỹ lệ ấy. Đừng « loè » người mà cũng đừng tự « loè » mình. « Loè » người thì chẳng hại gì vì... chẳng ai để cho mình « loè »! Nhưng tự « loè » mình là một nguy hiểm lớn: nó làm mình ước lượng sai lầm cái giá trị của mình, nó làm mình tưởng tượng những kết quả viễn vông và xây những mộng đẹp trên khoảng trống rỗng.

Hoạt-động một cách thiết-thực là hoạt-động như thế nào?

Theo ý anh, không thể có hai lối hoạt-động. Một là không làm gì cả. Hai là hoạt-động thì phải có tổ-chức. Ý kiến ấy là một lẽ phai, một lẽ phải tuyệt đối. Nhưng.

VŨ ĐÌNH HỒ.

NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

(NHÂN ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH MỚI)

ĐINH GIA TRINH

PHAN THỦ BA

Tâm lý-nhân vật

Xét tâm lý những nhân vật của một vở kịch hoặc của một cuốn tiểu thuyết, đi đến phân tích tinh vi, đó là một thói quen của khoa phê bình văn học hiện đại. Thói ấy đã do văn học Tây Phương mang lại cho ta, và nhất là văn học Pháp ra sáng láng, trật tự trong kiểu thức, và cũng ra giải phẫu tâm lý. Thói ấy được yêu thích ở một quan niệm cho rằng văn chương tìm mục đích cấu tạo ở chính nó, chứ không phải ở một uân lý, triết lý hoặc thuyết lý nào, mỗi nhân vật tiểu thuyết hoặc nhân vật kịch sống cái đời của nó, có những đặc tính riêng, và đời sống bên trong của họ cũng có cái phiên phức thú vị ta thấy ở đời sống bên trong của những người có xương thịt. Ở văn phái tả chân, cứu cánh của nghệ thuật là sự mô tả giống hệt những khuôn mẫu trong đời thực. Vì vậy xét tâm lý các nhân vật văn chương mới có thú vị. Ở Pháp, về thế kỷ thứ 17, văn học xu hướng về tả chân, một thứ tả chân tâm lý (réalisme psychologique) còn gọi là tự nhiên thuật (naturalisme), nên xét tâm lý các nhân vật trong các vở kịch như của Racine chẳng hạn là một công việc rất có ý nghĩa và hứng thú.

Khi nghệ thuật đã không vụ tả thực, thì sự phân tích tâm lý những nhân vật tiểu thuyết hoặc kịch bản không còn ích lợi lắm nữa. Trong những tác phẩm vụ diễn lý tưởng chẳng hạn, thì những nhân vật sống những tình huống hoàn cảnh mộng ước của các tác giả chúng, thường không bắt buộc phản chiếu cái tâm lý hợp luật tự nhiên của người trong đời thực. Mà cái hứng thú người ta tìm khi đọc những khảo luận về tâm lý của một

nhân vật do nghệ thuật tạo nên, là ở chỗ tìm thấy một hình ảnh của đời tâm lý của chính mình hoặc tìm thấy rằng cái lối biến hóa và tiến hóa tâm lý của nhân vật ấy hợp với lý tự nhiên (logique psychologique) tuy có khi nó vượt lên trên mực thường.

Các tiểu-thuyết gia Việt-Nam khi xưa ít quen với tôn chỉ nghệ-thuật vi nghệ-thuật. Các áng tiểu thuyết thường được viết ra hoặc đề răn đời, treo những tấm gương trung, hiếu, tiết, nghĩa, hoặc đề phô bày tính tình, tâm sự của tác giả. Văn gia thường tả những nhân vật có rõ rệt một tính cách luân lý đặc-biệt hơn là một tính cách tâm lý đặc-biệt. Tiểu-thuyết theo đuổi những kỳ vọng đạo đức. Vì vậy các văn sĩ không cần dò sâu tới cái máy móc tâm lý xác thực trong mỗi con người mà một nhân vật biểu hiện. Sự xác thực tâm lý không phải là mục đích cuối cùng của nghệ-sĩ. Cho nên tâm-lý những nhân vật của tiểu-thuyết về loại đó thường sơ sài và lối tiến hóa của nó có khi không hợp chặt chẽ với lý tự nhiên.

Nguyễn-Du là một thi sĩ có kỹ-tài, nhưng thi phẩm bất tử của ông cũng không khỏi có đôi chút những tính cách ta vừa nói trên. Ông không đi tới sâu-sắc trong sự xét và diễn tả tâm lý. Nhân vật của ông có những tình sâu xa, nhưng không có một tâm lý sâu sắc.

Những nhân vật ấy không có ý chí riêng, mạnh và đặc biệt, đề đối phó với hoàn cảnh. Kiều là một nạn nhân của định mệnh, như bị theo dõi đề hành hạ bởi một số kiếp phũ phàng. Kiều buông thân trôi như chiếc lá. Vì vậy tâm lý của nàng không có gì là phiên phức và không có những giờ phút khủng hoảng gay go trong đo hai tr trớ, hai quyết định vật lộn nhau tranh

phần thắng. Cái thú vị của sự xét tâm lý một nhân vật là ở sự xem tâm hồn phản động đặc biệt ra sao trước những hoàn cảnh khác nhau, sức phản động ấy làm tỏ rõ cái căn tính của linh hồn kẻ sống trong hoàn cảnh. Kiều hầu như không phản động lại chống với hoàn cảnh, ấy vì thế ở nàng người ta không nhận thấy những rối ren thực sự của tâm hồn và những khủng hoảng kỳ thú cho người đọc.

Xét tâm lý các nhân vật truyện Kiều ta cần giao ước mấy điều về phương pháp :

Khi xét tâm lý nhân vật ta phải quên cái tâm sự của tác giả, không để ý gì đến cái tâm lý ấy phản chiếu cái tâm sự ấy. Nhà phê bình văn chương thuần túy không chú ý đến cái mối liên lạc giữa tác giả và tác phẩm. Tác phẩm tách ra khỏi tác giả và được khảo xét như một vật độc lập. Mối liên lạc giữa tác giả và tác phẩm có thể coi là một đối tượng xã hội (un fait social). Khi chú ý vào mối liên lạc ấy, khoa phê bình văn chương vụ một mục đích xã hội rõ rệt. Mối liên lạc ấy ta đã nói tới rồi, nay ta xét đến tâm lý của từng nhân vật chính của truyện, coi như những con người độc lập, có một đời sống tinh thần riêng, phải giảng dần, phê phán bởi những định luật tâm-lý tự nhiên của người.

Xét tâm-lý của những nhân vật tiểu-thuyết hoặc kịch bản, khi ta bảo những ý nghĩ, những cử chỉ này tự nhiên hoặc cưỡng ép, ta giảng dần tại sao có sự khủng hoảng này, có sự hoạt động nọ, phổ diễn cái máy móc tâm lý của nhân vật, thì ta lấy những định luật chi phối đời tâm lý của người ta làm tiêu chuẩn, làm căn bản sự so sánh và suy luận. Ta coi nhân vật do tưởng tượng tạo nên như một nhân vật ở đời thực, và đời sống tinh thần của họ do những luật hoạt-động của tâm linh một người có xương thịt chi phối. Khi ta bảo nhân vật này yếu, nhân vật khác mạnh, nhân vật này dững cảm, nhân vật này hèn nhát, ấy là vì ta nhận thấy ở nhân-vật ấy những cử chỉ ý nghĩ mà ở một người thực nó là dấu-hiệu của sự yếu, mạnh, dững-cảm, hèn nhát.

Nhưng ở một người có sống thực thì đời tâm-

lý có liên lạc mật thiết với đời sinh lý, tâm hồn và cơ thể chi phối lẫn nhau. Chẳng cần đi tới như lý thuyết cực đoan muốn rằng, đời tâm lý chỉ là phản ảnh của đời sinh lý, ai cũng nhận thấy rằng có những tâm trạng khác thường, nhất là những tâm trạng sâu muộn ủ rũ, sợ hãi, kinh khiếp, no thấy cõi rỗi của nó ở nhưng rối loạn của cơ thể, nhất là của thần kinh hệ. Sự nhận xét ấy có thể dùng để giải nghĩa cả thì một vài nhà văn có những tâm trạng đặc-biệt, mà sự bại nhược của cơ thể đã tỏ rõ ra ở những chứng cứ tìm thấy ở ngoài văn chương của họ (Rousseau-Baudelaire-Léopardi). Nhưng không nên dùng nó để giải nghĩa những tâm trạng đặc biệt của một nhân vật tiểu thuyết. Nói cách khác, không nên ruồng bỏ quá sự tương đồng của người sống thực với một nhân vật do tưởng tượng tạo ra, mà chỉ nên dùng sự tương đồng ấy ở địa hạt tâm lý mà thôi.

Nếu coi Đoạn trường tân-thanh như lịch sử của một cuộc tình duyên trắc trở, thì có hai nhân vật chủ-động cuốn tiểu-thuyết đó là Kim-Trọng và Thúy-Kiều. Thúy-Vân cũng đóng một vai trò trong lịch sử cuộc nhân duyên ấy, nhưng một vai trò thụ động, không có sinh khí, không có cá tính đặc-biệt. Vân là một cô thiếu-nữ thủy mị đoan trang, đẹp một vẻ đẹp phúc hậu, không đa cảm đa sầu mà cũng không nghĩ sâu xa. Khi nhận làm vợ Kim-Trọng thay chị, cử chỉ của Vân cũng dễ dàng như lúc gặp chị ở thảo am của Giác-Duyên sẵn lòng chấp nối duyên xưa, đứng lên dàn xếp việc hôn nhân giữa chị và Kim-Trọng. Đi với Vân đời sống giản dị và thanh thản vô cùng mặc dầu nó đi qua bờ những vực thẳm. Nàng không hiểu cái đa sầu của Thúy-Kiều. Lúc nhà gặp cơn gia biến, vẫn biết Kiều là hơn hẳn cả căn hi sinh hạnh phúc của mình để cứu cha, nhưng Vân cũng là con, mà không thấy góp một hoạt động chi để giúp chị. Khi Kiều đã giao ước bán mình, trước khi từ giã nhà cha mẹ, nàng đêm không ngủ, « áo đầm giọt lệ, tóc xo mới sâu », mà Vân cũng vẫn ngủ kỹ để mặc chị sống cái thảm họa vừa xảy ra. Rồi lúc « tỉnh giấc xuân », mới hỏi chị : « Có chi ngồi nhẩn tán canh ? », thể như sự một người trinh nữ con nhà lương

đáng lẽ được hi vọng « trao tơ phải-lúa, gieo cầu đáng nơi », mà phải bán mình cho những con buôn tục tũ, không phải là một sự khổ tâm có thể khiến người ta thối mặt canh chầy được! Rồi nghe Kiều kể lại nỗi niềm đau u con ra ràng, Vân cũng không vào trong đau đớn nữa chi, tâm hồn không bị đảo lộn bởi cái sóng gió ở tâm hồn kẻ khác. Có thể trách Thúy-Kiều đã cảm đa sầu tự mình chuốc lấy bạc mệnh, nhưng với Thúy-Vân sống hơi hợt phớt ta không thể có chút thiện cảm nào cả.

Vậy chỉ có Thúy-Kiều và Kim-Trọng là những nhân-vật thực có một tâm-lý, thực sống một đời tình-thần đáng kể. Nhưng Kim-Trọng cũng chỉ hiện ra thiếu-thốn và ngán ngùi trong đời thanh-tu của Kiều. Chẳng gặp Kiều, chỉ kịp sống với những ít kỷ niệm đẹp, rồi phải ly cách, để một lần nữa đau mới lại tái ngộ. Trong 45 năm ấy, Kiều trải bao nhiêu gian-truân khổ-ải và đụng chạm với một xã-hội đầy những kẻ kãi-lương. Những người liên can đến đời Kiều trong khoảng thời gian ấy, có thể chia ra làm nhiều loại: một loại tàn-ác vô-lương (lũ Mã-giảm-Sinh, Tú-Bà, Sở-Khanh, Bạc-Bà, Bạc-Hạnh), chúng là những tay sai của thần bạc mệnh để hành hạ Kiều. Chúng là hạng người dè hạ, sinh ra để tác-ác và lừa gạt, mà ta không cần biết những khúc tâm-lý gì khác ngoài cái tàn ác của chúng. Chúng là những nhân vật có mặt để làm thực-hiện những đau-khổ của Kiều, chúng là những phương-tiện chứ không phải là cứu cánh của sự sáng-tạo nhân-vật. Ta có thể nói rằng chúng không có tâm-lý, nếu ta hiểu tâm-lý là một đời sống bên trong éo le, phiền phức và có tư cách. Loại thứ hai gồm có những nhân-vật giáo-quyết và thâm-dộc; nhưng hành-động để bảo-toàn hạnh-phúc của họ hoặc để làm phận-sự, ở một bậc luân-lý cao hơn bọn trên (Hoạn-Thư, Hồ-tôn-Hiến). Họ lợi-dụng địa-vị yêu-huân hoặc lòng thành-thực ngày-thờ của Kiều mà lừa dối nàng để làm cho khổ sở. Những nhân vật này cũng chỉ qua đời Kiều chốc lát thôi và cũng để một phần vào sự làm nổi-tiếp cái số bạc mệnh của Kiều. Hoạn-Thư là một người đàn-đá ghen hằn hạ tình-địch, chỉ khác đa số đàn-đá thường là dùng một nghệ-thuật tình-vi hơn để làm đau-khổ con-người yêu và con người được

yêu. Hồ-tôn-Hiến là một viên tướng mưu trí không quân-tử. Những nhân-vật ấy cũng không có tâm-lý gì đặc-biệt cả.

Loại thứ ba là loại thiếu-nhân, cứu vớt, nương giúp Kiều, có một đại-diện độc nhất là Giác-Duyên. Đời Kiều đã bạc-mệnh thì lẽ tất nhiên cần phải nhiều kẻ-ác đụng chạm với nàng. Thiện nhân chỉ cần một người. Người ấy cho nàng nương-náu nghỉ ngơi, để gián-đoạn cái gông-dối bạc-mệnh của nàng, để rồi nàng lại bị một tai-họa khác lôi đi, cho đời nàng có chìm nổi, tuồng-thoát mà không thoát, cho nàng gặp, không phải một cái khổ triền-miên, những nhiều cái khổ ở những cảnh ngộ khác nhau, rồn rập theo nhau, mỗi cái mang đến với nó cái sắc cạnh tẻ tãi của một bằng hoang và thất vọng mới. Người thiện ấy sẽ còn chấm hết quãng đời bạc mệnh của Kiều và làm thực hiện cuộc tái ngộ. Thiện nhân ấy cũng chỉ là một bộ phận của cái máy móc truyện Kiều dùng để diễn rõ cái bạc mệnh của người con gái họ Vương. Nó cũng chẳng có tâm lý gì cả.

Thúc-Sinh, Từ-Hải thuộc về một hạng nhân vật được Kiều có cảm tình. Kiều ở lầu xanh chỉ mong kẻ đến vào cứu sổ lồng, nên sẵn có thiện cảm với những kẻ giải phóng nàng mà không cần xét kỹ lương xem kẻ ấy có những đức, tính gì đảm bảo cho tương lai của mình không. Ở trong ngục tối thì không cần chọn người lôi mình ra ánh sáng.

Thúc Sinh là một gã ăn chơi nhẹ dạ, hiểu sắc, sợ vợ và hèn nhát. Thấy Kiều bị vợ cả đầy đọa, Thúc không biết bênh vực ra sao, chỉ sụt sùi khóc lóc, rồi khuyên Kiều « xa chạy cao bay ». Từ-Hải, mặc dầu cái hành vi ngang-tàng canh liệt của y, cũng chỉ là một viên tướng vũ dũng, kiêu ngạo, hiểu sắc và yếu trước đàn bà, Từ yêu Kiều vì Kiều đẹp cũng có, vì Kiều phẩm-nhệ chàng làm cho lòng kiêu hãnh của chàng được thỏa cũng có. Tình yêu của Từ là một biến thể của lòng tự ái. Tình yêu đó không khó khăn, không éo le, không bắt tâm hồn làm việc. Người anh hùng Việt Đông tóm lại cũng không có tâm lý gì đặc biệt.

Vẫn chỉ có Kim-Trọng và Thúy-Kiều là sống hoạt động và sâu sắc hơn cả.

(Còn nữa)

ĐÌNH GIA TRINH

TROI RAT

(NGUYỄN VĂN CỦA SOMERSET MAUGHAM)

HỒ MAI dịch

John Skelton là một nhà nhân-chủng-học. Hai năm giới này, ông ta lặn lội ở miền rừng núi đảo Bornéo (1) để khảo-cứu những bộ-lạc chưa bị va chạm của dân da trắng ảnh-hưởng tới. Từ chỗ làng ông ta đóng đại bản doanh cho đến con sông mà ông ta đương thuận nước xuôi dòng này, phải đi mất mười hôm cả thảy. Mà cả, điều đình khó khăn mãi mới thuê được hai chiếc thuyền, một để chở mình với hành lý, một để chở tên bồi khách Kong với các đồ lễ cảm tạ. Lúc còn đi bộ khó nhọc vô cùng, cho nên lúc này Skelton thú vị nằm dưỡng sức trên nệm dưới chiếc mui mây. Gần nguồn, ngòi còn hẹp, có chỗ cây cối hai bên bờ giao lá kết thành một bầu trời xanh ngắt trên đầu. Nước nông quá đến nỗi bọn Dyak (2) không chèo được phải đẩy sào, có chỗ phải nhảy xuống nước để đẩy thuyền cho khỏi mắc cạn vào bãi cát nổi. Mặt giới lặn cả bọn dừng lại ở một nhà công quán rồi quá nửa đêm họ hội hè yến tiệc cùng khách da trắng qua chơi.

Ngày lại ngày, ngòi rộng thêm thành một con sông to lớn. Bọn chèo thuyền rả sức chèo. Cứ nghĩ đến chuyện độ một tuần nữa được đến chỗ văn minh mà Skelton thấy hỏi dạ. Thôi chẳng phải uống rượu arak nữa mà sẽ được nốc whisky. Chai rượu đầu tiên mà mình gọi mang ra, lúc ta đến bờ biển, sẽ là một chai bia ướp nước đá! Kong chẳng phải là gã đầu bếp thiếu tài nhưng ở chỗ hẻo lánh này thì làm thế nào mà thay món cho được: hai năm nay rồi, bữa ăn hàng ngày của Skelton cứ đều đều một thứ y như bữa ăn tù.

Sắp không phải nếm các cái món khô, nướng của dân bản xứ này, ông ta càng thấy ghê tởm. Nói cho đúng ra thì đã hai ba hôm nay, ông ta

chẳng thấy ngon miệng nữa. Chà! những cái món saucisses đóng hộp! Suốt từ lúc radi, Skelton vẫn được khoẻ mạnh nên lúc này ông ta tự hào là may mắn. Nhưng chợt nghĩ ra rằng số dĩ mình nghĩ đến may mắn của mình, chính là tại mấy hôm nay trong người cũng chẳng lấy gì làm dễ chịu cho lắm. Hôm qua có lẽ uống nhiều rượu arak quá. Nhưng đã quen giọng rồi kia (nà, tất không phải vì uống nhiều mà ngày ngày. Người ông đau như đâm khắp cả. Giới nóng chang chang mặc chiếc quần cụt voi chiếc gi-lê mỏng mà vẫn run lên. Mạn thuyền thì bỗng rầy lên mà ông còn muốn mặc thêm chiếc áo veston. Càng ngày càng thấy rét dữ, làm rang lập cập. Cố tìm cách cho ấm, ông ta co rúm cả người lại. Skelton bây giờ mới hiểu, rên rĩ:

— Trời ơi! Sốt rét rừng rồi!

Ông gọi người cầm lái mà rằng:

— Gọi Kong cho tới!

Người lái bảo thuyền đỗ lại rồi gọi chiếc thuyền kia áp mạn. Kong sang thì Skelton vừa thở vừa nói:

— Bác Kong ơi, tôi sốt rét mất rồi. Bác chạy sang tìm ngay hộp thuốc với thật nhiều châu cho tôi. Tôi rét chết người đi được.

Kong cho chủ uống một liều ký-ních nặng rồi có bao nhiêu quần áo chưa mặc đắp tất cả lên người. Hai thuyền lại ra đi.

Tối đến, lúc thuyền bỏ neo đỗ lại, Skelton sốt quá không lên bờ được nữa phải ngủ dưới thuyền. Hai ngày sau, bệnh tình thêm trầm trọng, ông ta luôn luôn mê sảng. Các chân sào lần lượt đến ngấm nghĩa khách quá giang; người chủ thuyền thỉnh thoảng lại dừng lại chỗ ông ta nằm ra vẻ nghĩ ngợi.

Skelton hỏi bồi: «Còn bao nhiêu ngày nữa thì ra đến biển?

1) Đảo lớn thuộc nhóm quần đảo Nam dương

2) Thổ dân đảo Bornéo

— Bớt... nam. . — Rồi hẳn đứng lại :

— Tên chủ thuyền không chịu ra biển nữa.
Hắn muốn quay về.

— Đảo nó cắt.

Tại ông ta ủ lên vì kỳ ninh nên chẳng hiểu tên đây nói gì. Nhưng một lúc sau, ông nhớ lại lời nói của Kong, nhắc đi nhắc lại trong óc mà không hiểu rõ ý định ra sao.

Rồi vụt chốc, nghĩa câu nói loè lên trong mắt tưởng rồi bùng như ánh sáng chiếc đèn chiếu ban đêm. Ông gọi tên khách vào.

— Tên chủ thuyền nó nói cái gì ? nó không đưa tao ra bờ biển à ?

— Hẳn bảo : ông ốm năng, sắp chết. Nếu ông chết mà hân ra biển thì thể nào cũng lỗi thời.

— Chết à ? may điều đấy ư ! Thế nào tao cũng khỏi. Có gì sót rết nhẹ thôi mà.

Kong không giả nhời. Skelton càng thấy giận. Tên khách chắc giấu điều gì. Ông ta gào :

— Đồ ngu, nói mau !

Lúc rõ chuyện, lòng ông se lại. Ngay tối hôm đó, lúc thuyền đỗ lại là tên chủ thuyền sẽ xin tiền thuê và tờ mờ sáng sẽ chuẩn với hai chiếc độc mộc. Hẳn không có can đảm chở một người sắp chết.

Skelton không đủ sức đề ra oai. Chỉ có cách hứa cho tiền hoa may có làm hắn giữ lời giao kèo.

Cả ngày hôm đó, Kong với tên chủ thuyền mặc cả đôi co, nhưng đến đêm, đồ thuyền lại là tên chủ thuyền bảo Skelton rằng hẳn không đi quá nữa. Cảnh đó có một nhà công quán, quan tây có thể ở chữa bệnh được. Hẳn tự do khuôn hành lý lên bờ. Skelton nhất định không chịu nhúc nhích. Ông ta bảo Kong mang khẩu súng sáu lại thế sẽ bán chết người nào dám lại gần mình.

Cuộc bàn cãi vẫn kéo dài. Sau cùng, Kong, bọn thủy thủ với tên chủ thuyền lên công quán còn mình Skelton ở lại. Vẫn biết dọa nạt là hay nhưng nếu tụi Dyak mặc kệ không cần thì làm thế nào ? Bán thì thật là điên rồ. Ông ta cũng còn đủ tỉnh táo để nghĩ đến điều đó. Nằm trong thuyền hàng giờ, Skelton người róng rùng rục mồm khô ráo, óc vờ vẩn những ý nghĩ mơ hồ. Rồi có ánh lửa và tiếng nói. Tên khách quay lại với tên chủ thuyền và một người lạ Skelton cố hiểu xem họ nói gì. Thì ra ở quá mạn dưới

có nhà một người da trắng mà tên chủ thuyền thì bằng lòng đưa Skelton tới đó.

Kong khuyên ông ta : — Cứ nhận đi là hơn, người da trắng ấy may ra lại có ô-tô có thể đưa ông ra đến bờ biển.

— Người đó là ai ?

— Ông ta làm đồn điền. Cái thàng này nó bảo là ông ta có đồn điền cao-xu.

Skelton một quá, không còn muốn lời thôi nữa. Gi thì cũng ngủ cái đã. Ông bèn nhận.

Giờ sáng. Lúc tên chủ thuyền quay lại, Skelton tuy chết dở mà cũng phải cố giọng làm ra khỏe khoắn, sợ nếu không hẳn lại không chịu đi. Lúc chúng đã đẩy thuyền ra xa, Skelton mới yên trí. Buổi sáng cũng còn chịu được nhưng trưa đến, cơn sốt lại nổi lên dữ dội, ông mê đi.

Lúc tỉnh ra thì ông thấy mình nằm trong một gian buồng lạ, trên trước giường có màn. Giường là giường sắt, đệm thì đệm cứng nhưng sau bao ngày cực nhọc trong thuyền, cũng khoan khoái lắm rồi ! Quanh buồng, ông chỉ nhận thấy có một bàn nhỏ đóng ở đây và một chiếc ghế gỗ. Có cửa che mảnh mảnh chừng trông ra hiên. Skelton gọi :

— Kong .

Chiếc màn vén lên, tên bồi vào. Thấy chủ sống lại, hẳn nhăn mặt mỉm cười.

— Ông mạnh, tôi mừng.

— Tao đương ở đâu đây này ?

Kong cố giảng cho chủ hiểu. Thuyền tới, Kong đi tìm ngay người da trắng. Người đó xuống xem qua Skelton rồi cho khiêng lên nhà còn bọn thổ dân được giả tiền rồi bèn đi ngay. Skelton lo ngại.

— Thế các đồ đạc ?

— Cũng cho mang lên bờ cả rồi, ông cứ yên tâm.

— Tên người da trắng cho tao ở nhờ là gì ?

— Ông Norman Glange (tên bồi nói tiếng jay theo lối khách) Hẳn chủ cho Skelton coi tên của viên chủ đồn điền viết trên một quyển sách nhỏ : «Grange». Skelton để ý đến tên sách : *Luận thuyết của Bacon* (1). Trên bờ sông ở đảo Borneo này, kẻ cũng bất ngờ thật đấy.

— Ra bảo ông ta tao muốn gặp ông ấy.

— Ông ta đi xem đồn điền chốc nữa mới về.

(1) Một nhà triết lý Anh

Skelton đã biết cái thói quen của bọn coi đồn điền. Họ đẩy trước lúc mặt trời mọc để đi tìm đánh phu rồi đi dạo để coi việc lấy nhưa. Chốc nữa thì hẳn về tắm một cái rồi ngồi ăn món điếm tâm ngon lành.

— Còn chuyện sạch sẽ nữa chứ! mình thêm cạo râu quá. Ông chực đứng dậy nhưng chóng mặt lại ngã xuống giường rên rỉ. Keng cạo râu cholehủ, rửa dáy, thay chiếc soóc với chiếc gilet mặc từ lúc nhuộm bột đến giờ bằng chiếc sarong với baju. Skelton, xống xuôi, khoan khoái nằm nghỉ.

Chẳng bao lâu, Keng vào báo với Skelton rằng người chủ nhà đã về.

Có tiếng gõ cửa, một gã to nhón bước vào.

— Họ nói với tôi rằng ông đã khá hơn.

— Vâng, có dễ chịu hơn. Ông thật tử tế quá. Cứ nghĩ đến việc dăm quấy quả ông mà nguợng quá.

— Chà! Có gì! Hồi hôm ông trông ghê sợ quá. Cho nên tôi cũng chẳng lấy làm lạ sao bọn Dyak lại chực bỏ ông.

— Nhưng tôi quả không muốn làm bận ông lâu. Nếu có tàu hay thuyền tôi xin đi ngay chiều nay.

— Ở đây làm gì có tàu cho thuê. Ông cứ ở đây một ít là hơn. Ông đứng đã vâng đầu.

— Nhưng tôi quả không muốn quấy quả.

— Có gì. Tên bồi của ông sẽ chăm nom ông chứ gì.

Nghe Grange nói có vẻ lễ phép nhưng chẳng ân cần chút nào. Vừa mới đi khám về, quần soóc của chàng còn bần nguyên, áo sơ mi ka-ky bỏ cổ, mũ cũ từ bao giờ. Chàng có vẻ chuyên môn đi cướp các miếng tàu đắm rặt vào. Lúc hẳn lâu chán, thấy rõ cả mớ tóc hoa râm, húi ngắn. Râu mép cũng hoa râm trái với da mặt đỏ ửng. Mồm to, mũi khoằm. Con mắt nhỏ không nhìn thẳng, lăm lét.

Skelton nói — Ông có quyền sách nào làm ơn cho tôi mượn.

— Về loại nào?

— Bất cứ loại gì, nhưng dễ đọc thì hơn.

— Tôi không ưa truyện tiểu thuyết nhưng cũng xin đưa ông mấy quyển. Nhà tôi sẽ đưa hầu ông, truyện gì nó cũng có vì nó chẳng đọc gì hơn. Nhưng có lẽ thế, vừa ý ông hơn.

Grange nghiêng đầu chào, đi ra. Không được thân thiện lắm thì phải! Nhưng Skelton tự trách sao lại nghĩ thế. Nói cho cùng ai bắt hẳn phải tiếp một gã lạ mặt mà hẳn thì xem ý muốn giữ mình cho đến lúc khỏi. Xem buồng với quần áo thì có lẽ y nghèo. Lương quản lý của hẳn chẳng phải bị rút mà thêm hai người ăn nữa tất phải tốn hơn ở chỗ hẻo lánh hay ít ra là cách biển ba ngày thuyền — Grange có lẽ ít giao du với các người da trắng hay chẳng biết chừng ghét người cùng giống cũng nên. Có làm người biết rõ được tính nết họ cũng hay, Grange chùng vào hạng đó. Nếu mắt hẳn không lăm lét thì rõ ra kẻ vui sống.

Có tiếng khe khẽ gọi Keng, lúc đó đương săn sóc cho chủ. Hẳn quay ra rồi cầm vào mấy quyển sách. Skelton nhìn đồng sách mà trí tò mò nổi dậy: nửa tá truyện của các tác giả vô danh. Thoạt xem qua, Skelton đã biết rằng truyện soàng, đó là cái sở thích của bà Grange. Có cả bộ Johnson Boswell, Lavengro của Bocow và tập cáo luận của Lamb. Gặp những sách ấy ở chỗ rừng rú này thật không ngờ. Thường thường thì tủ sách họ, ra cũng một hay hai hàng truyện trinh thám. Cái giống người thật tò mò đang xem xét. Có lẽ vì thế mà Skelton chuyên về nhân - chủng học chẳng? Cứ bằng vào tập sách hẳn vừa đưa, đáng diệu con người với mấy nhời đối đáp, Skelton cố tưởng tượng tính nết người chủ nhà này ra sao. Ông cũng hơi ngạc nhiên rằng cả ngày hôm đó không thấy hẳn vào nữa. Grange bằng lòng cho người khách bất ngờ ăn ở nhà mình, nhưng không sẵn sóc khách đến nỗi phải tìm kiếm để mà góp chuyện. Skelton ngủ dậy giấc, lúc tỉnh dậy thấy trong người khoan khoái, đủ mạnh để tắm một cái. Sau bữa ăn ông quyết đứng dậy Keng để chủ ngồi một chiếc ghế dài ngoài hiên. Nhà này ở trên một ngọn trái đồi nhỏ cách sông độ năm mươi thước. Bao nhiêu cây đều chặt cả để rộng tầm trông. Bờ bên kia, trông qua sông rộng, nhỏ xíu có mấy gian nhà của thổ dân ẩn trong cây rậm. Hiên này cần phải có một lượt sơn mới. Người còn yếu quá nên Skelton không đọc sách được lâu, chỉ hai ba trang rồi không định được trí nữa, nhìn làn nước đục cũng đủ. Phong cảnh tuyệt êm lạng. Đổng chốc, có tiếng chân người. Một

~~Ông~~ bà Grange hân hoan. Ông chực đứng dậy thì bà ta bảo :

— Ông nằm yên. Tôi đến để xem ông có đủ thức ăn dùng không. Cái áo vải tây đen màu xanh bà ta mặc giá con gái mặc thì đúng hơn, tóc bù lên như mới dậy. Chân tóc trắng, rõ ra mới nhuộm hồng, mà nhuộm lại vụng về. Da thì khô mà rần rêu nhưng có hai vết đỏ thẫm ở trên má như tui hề rập xiếc. Mũi cũng loe loét những son. Bà ta có một tật là lắc lư đầu như chó ai dắt sau. Cứ cách ba phút lại một lần như thế. Lại thêm bàn tay trái cứ rung luôn luôn—không phải là run mà bình như bị vụn trái. Thành ra lại càng đáng chú ý. Skelton vừa kinh ngạc, vừa lúng túng :

— Tôi mong rằng tôi không phiền nhiễu bà quá. Nếu tôi đỡ thì mai hay ngày kia tôi sẽ xin đi.

— Ô ! ở một cái xó như xó này, ông phải biết mấy khi chúng tôi có khách. Nhìn một nét mặt mới lạ, đối với chúng tôi là một sự may mắn vô-chứng.

— Mời bà ngồi. Để tôi bảo bồi nó lấy ghế cho bà.

— Norman đã dặn tôi để ông yên ổn đừng có quấy rầy,

— Hai năm nay, tôi chưa được nói chuyện với một người đồng chủng nào. Tôi cũng thích được hầu chuyện ông-một lát.

Đầu bà Grange càng lắc dữ dội, tay vẫn có cái run kỳ lạ ấy.

— Nhà tôi ít ra một giờ nữa mới về. Tôi có thể ngồi đây được, Skelton tự giới thiệu, rồi nói đến công việc mình làm ; nhưng bà ta đã hồi lâu đầy tớ trước rồi.

— Ông được về Anh hân vui lắm ?

— Vâng, cũng chẳng buồn tí nào.

Bà Grange bỗng như kẻ phát rồ. Đầu lắc, tay co rúm, làm cho Skelton phải quay mặt đi.

— Đã mười sáu năm nay tôi chưa về Anh

— Không có lẽ ! Tôi tưởng các người chủ điền cứ nam nam lại về nước một lần.

— Nhưng đi lại đôi với chúng tôi đắt đỏ quá vì chúng tôi nhanh kiệt rồi. Norman bỏ hết tiền vào đồn điền thế mà đã mấy năm nay không được thu về xu nào. Chỉ đủ khỏi chết đói. Nhà tôi thì có cần gì ! Hân có phải là thật người Anh đâu.

— Nhưng trông linh dáng ngoài thì giống làm mà

— Hân ở ở Sarawak, ông bố ngày xưa làm công chức nhà nước thật ra thì hân chính là một anh thổ dân đảo Borneo này.

Rồi là ta khóc. Nhìn cái đụn rế ấy, cả người rung động vì cái tật kỳ quái, nhìn nước mắt chảy trên má bôi phấn hồng của mẹ mà sợ. Skelton chẳng biết làm gì, nói gì. Ông theo cái phương pháp khéo nhất là yên lặng.

Bà ta lau nước mắt.

— Có lẽ ông bảo tôi là con mẹ đại. Đã, bao nhiêu năm rồi mà còn khóc được, lần lúc tôi phải ngạc nhiên, Hay giờ sinh tôi ra thế. Đổng trò, tôi có thể muốn khóc lúc nào thì khóc.

— À ! ra bà trước có đóng kịch ?

— Vâng, trước khi lấy nhà tôi. Ấy chính vì thế mà chúng tôi quen nhau. Ban hát của tôi hồi ấy đóng trò ở Singapour mà nhà tôi cũng đương nghỉ phép ở đó.

Nhưng lúc đó thì trí bà ta còn vờ vờ đầu đầu.

— Tôi chả hy-vọng gì lại về được nước Anh. Đến chết khô vẫn phải ở đây mà ngày ngày nhìn cái con sông bản thủ này, chẳng còn bao giờ tôi được đi khỏi đây nữa. Thật chẳng bao giờ !

Skelton muốn soay câu chuyện ;

— Thế tại sao hồi ấy bà lại ở Singapour ?

— Độ ấy vừa chiến tranh xong. Tôi chưa tìm được chỗ làm ở Londres. Tôi đóng trò đã lâu rồi mà mãi chỉ có những vai soàng sinh nên chán ngắt. Có một hãng bảo tôi rằng có một người tên gọi Victor Palace muốn kiếm một ban hát mang sang Á Đông. Cố nhiên là vợ hân đóng các vai chính nhưng tôi thì được giữ các vai phụ. Vợ kịch của họ có chừng nửa tá, lối hài kịch, đấy ông xem ! Lương thì ít nhưng được đi Ai Cập, Ấn Độ, các nước ở Mã Lai, Tàu rồi xuống Mỹ châu. Cũng là một dịp đi quanh-thế-giới nên tôi nhận. Ở Cai-re cũng khá, ở Ấn Độ lại có lãi nữa; nhưng ở Ben-mah không được hoan nghênh tí nào, ở Xiêm cũng vậy. Đến Penang thì hồng to và xuất cả Mã lai cũng vậy. Rồi một hôm Victors hân bảo chúng tôi rằng hân nhẵn túi chẳng còn đủ tiền để đi tàu sang Hồng-kông nữa. Ban hát thế là đi đời, hân khuyên chúng tôi nên soay lấy mà trở về Londres.

(Xem tiếp trang 20)

NGHỀ CHĂN NUÔI TRÀU BÒ Ở XỨ TA

NGHIÊM XUÂN YEM

Nếu từ xưa đến nay, nghề -sông của ta vẫn được coi làm căn-bản thì nghề chăn nuôi đáng lẽ cũng sớm được giữ một địa-vị quan trọng trong nền kinh-tế của toàn xứ. Trước hết, trâu bò là những « động-cơ » cần-thiết cho nông-gia Việt-nam, và cũng là những bộ máy độc-nhất chế ra phân chuồng (fumier de ferme) thứ phân có đủ 3 chất cốt-yếu cho cây cối : đạm (azote), bô-tát (potasse), lân - toan (acide phosphorique) : thứ phân ấy tối cần cho nông-gia ở một nước mà các phân hóa-học, phân xanh đều chưa được thông-dụng, vì hiếm, vì đắt, vì dân quê chưa quen giồng. Thêm nữa, từ mười năm gần đây, người mình đã biết và ưa dùng sữa bò cùng thịt bò là thực ăn bổ hơn thịt lợn vì có ít mỡ hơn và nhiều chất acides aminés. Hiện thời làm ông đã thấy khó chịu vì thịt bò khan và đắt : nhiều bà cũng đương lo lắng vì thiếu sữa bò nuôi con trẻ. Vậy mà nếu chúng ta đã phải buồn rầu nhận thấy nghề nông của mình còn kém-cỏi (1), thì chúng ta lại thất-vọng hơn khi xét ra rằng nghề chăn nuôi ở xứ nhà thật chưa có điều gì đáng kể.

Thực vậy nông dân Việt-nam chưa ai hề có ý-tưởng coi việc chăn nuôi như một nghề, nghĩa là *chăn nuôi để lấy lãi*; nhằm theo 3 mục-dịch

1.) Chăn nuôi súc-mục cốt gây giống trâu, bò cấy hoặc kéo xe.

2.) Chăn nuôi súc-vật cho béo để bán thịt

3.) Chăn nuôi bò sữa (2).

Ở trung-châu thường thường mỗi nhà chỉ nuôi một con trâu hay một con bò để cấy bừa mấy mẫu ruộng, và lấy phân bón đủ đầm sào đầm mạ và vài mẫu lúa sớm. Dù có nuôi trâu bò cái, họ cũng không hề hy vọng cốt yển vào sự được thêm một

con nghé hoặc một con bê. Nếu may ra, trâu bò của họ đẻ thì họ cũng chỉ coi việc đó như một dịp phát tài hân-hữu. Đối với một nhà chăn nuôi lành nghề, nếu súc-vật đẻ vào giữa mùa mưa, sản cỏ ngon, là một sự may-mắn. Trái lại, đối với dân quê ta, nếu trâu bò đẻ vào khoảng đó thì thật rầy rà cho họ, vì khi ấy đương vụ cấy bừa. Ta vẫn có câu : « trâu đẻ tháng sáu... », ý nói một sự xảy ra không phải thời. Rất nhiều nông dân chỉ nuôi trâu có ba, bốn tháng, trong một năm. Vào khoảng cuối tháng ba, đầu tháng tư, xem chừng sắp mưa rào, đủ nước cấy vỡ ruộng mùa, họ mới lo tiền đi tậu trâu. Làm xong vụ, qua tháng 8, họ lại dắt trâu ra chợ bán cho một nông gia ở đồng chiêm để cấy bừa vào khoảng một chạp. Lắm khi con trâu ấy chỉ được làm vên vện một vụ chiêm. Từ tháng 3 năm sau, khi cỏ xuân đã tốt, nó được ăn no, hơi có da, có thịt lại bị bán trả về xứ đồng mùa.

Còn như trâu bò để làm thịt, hầu hết là những con già yếu, đã tưng vất vả ở trung-châu từ 15-20 năm; hoặc những con mà các lái đã đi mua nhặt nhạnh ở thượng du (Hòa-bình, Lạng-sơn, Hà-giang, Thái-nguyên) đem về, hoặc ở phía bắc Trung-kỳ (Vinh, Thanh-hóa) tải ra. Những trâu bò để làm thịt đáng lẽ phải là những con béo mập, nhỏ xương, thì trái lại toàn một hạng gầy còm của các nông gia thải đi. Nhiều con nom thấy xương với da ; đằm mỡ không được quá 35% thịt. Đã đành rằng trâu bò già không còn cấy bừa mà nh đặng nữa ắt nên bán làm thịt. Nhưng trước khi bán, dân quê ta nên nghĩ đến sự chăm nom bổ dưỡng cho con vật để cho nó béo nạc ra. Một con bò giống Lạng-sơn giống thường nuôi ở Bắc kỳ, chung bình cân đủ 250 kg, mỡ được 40% thịt =100 kg. Nếu vụ cấy béo sẽ nặng tới 320 kg và được 130 kg thịt.

(1) Xem Thanh-Nghị số 35.

(2) Người mình không biết dùng sữa trâu, cho người Ấn độ rất ưa dùng thứ sữa ấy. Giống trâu Delhi có thể vắt được 10 lít sữa một ngày.

Đền nghề nuôi bò sữa thì ở xung quanh những thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng...) tuy cũng có một vài trại gây được mười lăm con, nhưng tổng số quá ít ỏi, không đáng kể tới.

Xét cho đúng, dù một người ở Nam ở trung-châu có muốn chăn nuôi cũng không thể được. Vì lẽ lấy đâu ra đồng cỏ để thả trâu bò? Những thama, bờ ruộng, bờ đê... là những nơi có cỏ, tổng cộng được chừng 45.000 ha. (3% diện tích trung châu). Chúng ta cần nhớ rằng ở xứ mình, về mùa rét cây cỏ chết lại; trâu bò khi đó ăn toàn rơm, cốt lấy đầy ruột. Nay chúng ta thử làm một con toán:

Muốn cho súc-vật được no béo luôn, hàng năm ở trong xứ có bao nhiêu tháng khô hạn thì cũng phải có ngần ấy mẫu tây đồng cỏ cho một con trâu hay bò ăn. Ở Bắc-kỳ mùa khô hạn rộng rãi 3 tháng (mười, một, chạp). Vậy mỗi con phải có ít nhất 3 ha. đồng cỏ. Như thế, 45.000 ha. gồm có thama, bờ ruộng... ấy chỉ có thể nuôi được 15.000 con. Vậy mà toàn cõi trung châu này cần phải có tới 500.000 trâu bò mới đủ để cày bừa hết 1.200.000 ha. ruộng (chúng mình mỗi con làm 2,4 ha. = 6,5 mẫu). Sự thực thì có lẽ tổng số trâu bò hiện nay chỉ có được chừng 450.000 con. Và ở nhiều nơi nông dân vẫn phải dùng một con trâu để làm tới 10 mẫu ruộng; và tại làm vùng, nông gia vẫn còn phải lấy người để thay loài vật kéo cày bừa. Tính ra, đáng lẽ số cỏ chỉ đủ cho một con ăn thì nay phải để cho 30 con ăn chung ($\frac{45.000}{450.000} = \frac{1}{10}$). Và lại, chúng ta đừng quên rằng 3 ha. đồng cỏ gồm toàn bờ ruộng thì trâu bò mỗi ngày phải chạy dài đi bao nhiêu cây số mới đủ nó?

Những con số trên đây chứng tỏ cho ta hiểu rõ rệt tại sao trâu bò ở trung-châu suốt năm gầy còm. Thử nhất ở các ấp lớn, có chừng 2, 3 chục con để cày bừa hàng vài trăm mẫu ruộng, thì bắt đầu từ tháng một đến giêng hai năm sau, súc-mục coi thực thảm hại. Vì thiếu ăn, trâu rất lầy lị ghê sờ sùi, tiếng kêu rầy, ghe òm. Cấp gần già rét, làm con chết, nhưu con còi lả. Tóm lại, trung châu Bắc-kỳ thiếu trâu bò để cày ruộng (dĩ chớ cần nói tới sự thiếu súc vật để ăn thịt và vắt sữa), nhưng không thể nghĩ tới sự chăn nuôi thêm trâu bò ở đây được. khắp mọi chốn đều cây lúa, trồng màu. Không tìm đâu được một khoảnh đất bỏ cỏ

khả-di dùng nổi một đàn bò độ vài chục con được no béo, khỏe mạnh hoặc tối sữa quanh năm. Vấn đề tìm đủ thức ăn cho trâu bò ở trung châu xứ Bắc thực là một vấn đề hiện thời khó giải quyết. Có người đã nghĩ đến tích cỏ khô (foin) hoặc cỏ nén (herbe ensilée), nhưng lấy đâu ra cỏ để phơi khô hoặc để nén? Trừ phi, tải cỏ từ thượng-du đem về. Có lẽ chỉ bao giờ dân chúng cây cày được đủ thức gạo ăn, để nhàn rỗi lại cho súc-vật một phần lớn ngô khoai... thì trâu bò ở trung-châu mới mong được no béo và mới mới thêm được nhiều hơn.

Dưới đường xuôi, việc chăn nuôi đã không có chi đáng kể, nếu lên mạn ngược, chúng ta sẽ thấy dân thượng-du thường nuôi nhiều súc vật hơn, mỗi nhà có một đàn từ đàn con đến 15, 20 con. Nhưng cách chăn nuôi ấy rất sơ-sài cần thả. Ban đêm, trâu bò bỏ nghề đều nhốt chung một chuồng. Ban ngày không có người chuyên cần chăn những súc-vật ấy. Cả đàn đề thả rông trên đồi, dưới rừng, mỗi con đeo một cái mõ, phòng khi thất lạc cho dễ tìm. Thả như vậy may gặp chỗ cỏ thì trâu bò no; không may phải nơi ít cỏ, ắt bị đói. Vì ở thượng-du sản cỏ hơn đồng xuôi, trâu bò cái thường mất đẻ, trâu 3 năm hai, bò năm một, nên những thổ-dân chăn nuôi để lấy nghề và bề kiếm lợi thêm. Nhưng chẳng bao giờ họ đề tâm săn sóc đến sự chăn nuôi đó. Họ không chú ý tới sự tìm kiếm lương-thực cho súc vật trong mùa rét. Cũng may mà ở dọc các bờ suối, hoặc dưới những rừng sâu đọng nước về mùa đông vẫn có cỏ nên trâu bò thượng-du còn đỡ bị gầy còm hơn trâu bò vùng xuôi. Lẽ tất nhiên dân đường ngược không bao giờ nghĩ đến vắt sữa bò và sự gây giống cho được tốt.

Bởi vậy, cái rối lẩn lộn, nên con đực thường phải cái sớm quá, con cái cũng chịu được từ khi còn non tuổi. Một con bò cái tốt thường bị lấy giống với một con đực rất xấu. Tôi lý muốn bán trâu, bò, họ cũng chẳng xét xem con nào nên bỏ đi ông cho bán để bán thịt, con nào nên vờ để làm làm bò cày, trâu kéo, và con nào để làm giống. Nên khi bề được tới bị đem thến. Làm nghề khỏe mạnh, khỏe chân, gần ông có thể làm trâu cày rất quý, nhưng bị đẻ thả rông đến 3, 4 tuổi, mới đem ra chày. Khi đó người ta được có muiốn vờ để cày bừa sẽ rất khó khăn, vì nghề quá lớn

khó bảo. Bởi vậy, những trâu mà vai còn sù lông, chưa có vết vai cày lúa, đem về đi ủng trời bán đều bị kém tiền. Tuy rằng ở các tỉnh, thường vẫn có bò giống tốt của tổ Ti úy (bò Sind...) sẵn sàng đem những cái đem tới lấy giống nhưng các thổ dân thường-dù có bao giờ biết tới việc lai-giống là có ích. Nếu trong chuồng chưa có con đực thì họ mua ngay bò giống của người làng xóm rào gần nhất. Tôi thì bò của họ để được một con đực, họ lên để ngay con đực của họ ấy làm giống, chẳng buồn xét xem tới hay xấu. Họ cho thế là tiện hơn cả. Lối gây giống bằng những con đực và cái cùng một cha mẹ ấy (consanguinité) rất thông-thường và được coi như là tự-nhiên trong việc chăn nuôi súc-vật ở xứ mình. Lối ấy tuy cũng có điều hay là truyền được tất cả các nét tốt của một nòi (famille), nhưng cũng có điều hại lớn là bao nhiêu tật xấu của nòi ấy đều rón rập di-truyền lại rất rõ-rệt mau-chóng. Người ta đã nghiệm rằng bằng lối gây giống ấy, súc-vật con cháu thường dễ suy đồi, tàn-tật và dần dần mất cái đức tính mạnh mẽ là một đức tính đặc-biệt của trâu bò xứ nhà. Còn như gây giống bằng những con đực cái cùng một giống (races) nhưng khác máu (métode jar selection) và lối lai-giống (métode jar crochement) thì không gặp phải những điều hại đó.

Tóm lại dân thường-dù tuy có nuôi súc-vật nhiều hơn dân trung châu nhưng họ chỉ chăn nuôi một cách chơi lơi, ít nuôi bán thịt. Sự chăn nuôi như vậy chưa thành đi được một nghề có thể đem lại cho người chăn nuôi được những lợi nhuận.

Về phần những người Âu sang thuộc-địa này lập đồn điền, họ đều có trâu bò, mỗi đàn từ vài chục con đến vài trăm con. Nhưng họ cũng chỉ nuôi để vụ lấy được nhiều phân bón cà-phê, chè... thành ra việc chăn nuôi ấy vẫn lộn xộn không có ngăn nắp và không theo đúng phương pháp.

Thường khi về mùa đông những đàn bò ấy cũng vẫn không đủ cỏ ăn. Tôi đã đến thăm một vài đàn ở vùng Ninh-Bình, Hà-nam, đại đa-số đều gầy. Hiện nay chỉ mới biết ở vùng Chi-né, Bavi có đồn-điền nuôi bò để bán thịt và vắt sữa mà thôi.

Kết luận tại ở xứ ta, nghề chăn nuôi là một nghề hoàn toàn mới mẻ, mà dân mình hoàn toàn chưa am hiểu. Vì thế, xứ ta thiếu thị trường sữa, thiếu trâu bò để cày ruộng, kéo xe, thiếu phân bón cho lúa và cây cối được tươi tốt. Hàng năm Bắc kỳ thị trường của Trung kỳ là 7.000 bò lớn và 2.000 bò con trị-giá hiện thời: $200\$ \times 7.000 + 100\$ \times 2000 = 1.600.000\$$. Người nội xứ trung châu cần phải nuôi thêm chừng 50.000 trâu bò cày ruộng thì ruộng dân mới làm ruộng được kỹ càng, và cổ vật v.v. Năm vạn súc-vật ấy còn có thể hàng năm cho thêm được chừng $40\$ \times 50.000 = 2.000.000$ tạ phân chuồng bón tốt được 120.000 mẫu ruộng (mỗi mẫu, 50 gáuh $\times 30$ kg = 1500 kg). Nếu nông-dân biết lấy phân trâu bò cần-thận hơn, dọn chuồng bằng rơm róc, dùng bỏ phân ở ngoài, ủ phân kỹ càng, thì số phân ấy còn tăng hơn. Và chẳng nếu nuôi thêm trâu bò, tất các xe cộ sẽ không cần dùng đến ngựa, phải gò lưng tôm để kéo, một cách vận-tải vận-bát-dặc-dĩ mới nên dùng tới.

NGHIÊM XUÂN YẾN

Đồn-điền Sơn-Cầm, ngày 7 tháng 4 năm 1944.

Một kỳ sau sẽ nói đến:

Vấn-đề chăn nuôi với những công-cuộc di dân và khai-khẩn miền trung, thượng-địa xứ Bắc-Kỳ.

~~~~~

MỤC VIÊN

# Pacifique

XANH — TÍM

KHÔNG PHAI MÀU

= KHÔNG CẠN =

Có bán tại các hàng sách

MUA BUỐN LỢI:

Mr DO VAN THIEU

N° 24, Marshal Foch, VINH

# MỘT ĐÊM SAO

XUÂN DIỆU

Một đêm sao... Các vì tinh tú chỉ chít trên bầu trời, thoát trong lên, choáng cả mắt. Chen xúm, chàng chít, tụ hội với nhau. Đây là một trời cát sáng mà xưa kia một cơn gió nào tung ra, rồi thì phép tiên giữ lại ở trên ấy,

Chật biết mấy, đông đúc làm sao ! những hạt ngọc trời màu xanh, điểm vào trời biếc đậm tím. Tinh tú dường cử-động như một bầy kiến ; gió qua phớt, tiếng xâu xâu bên tai: đó là tiếng các vì sao nhẩn nhó... ?

Sông ngàn chảy vắt ngang trời. Suốt giòng sữa, thỉnh thoảng mới có đôi đoạn sao thưa.

Tôi mở đôi cửa của linh-hồn nhìn lên trời rộng : hai con mắt nhỏ bé tội-nghiệp, choáng vung trước mệnh-mạng. Bay nhiều to lớn có thể vào trong đầu tôi mà không rõ sợ ư ? Hai mắt tôi nhìn lên trời, thấy luu lác... Cảm giác cô đơn ấy, tôi nghe khắp mình, tưởng như tôi đã trôi giạt trong không rộng, và hai mắt tôi đã rời ra xa cách tôi ; và chính mắt cũng rẽ nhau, không song song nữa, lư lư linh lất-lạc mỗi chiếc một đường,

\*\*\*

Một đêm sao... Gió nồm lên từ biển gần mà tiếng sóng nghe lao xao ngoài bãi. Thực là mát mẻ, da lạnh lạnh, và lòng ròn qua một cảm giác rất ngộp mà rất ái-ân. Trên thì trời sao, dưới thì gió qua lướt người, đụng vào những tơ da thịt như một cái cung đàn nhị. Không gian bay để làm thành gió ; gió rõ ràng như một bãi sa mạc. Ghê rợn quá ; tôi nghe hỏ lạnh, xa xôi... Tôi nghe lay gió luồn ôm trong mình, mong như một linh-hồn chôn chợp với ta ; nghe lấy cái cảm-giác

mát mẻ, quá mát mẻ nên gần với lạnh-lùng. Thân-thể ta bỗng bênh trong cảm giác, rồi nổi hẳn lên mà trôi giạt dưới trời sao.

Gió gòm hơi biển mà làm nền ; biển rộng lắm, gió đi qua các đại dương vắng vẻ, sóng dào dạt ngàn đời. Gió như một xir rộng mệnh mỏng, tự mang đến mà dâng cho ta để ta vào tìm đạo. Nhưng đạo mà không thấy gì cả ; gió đem cả xa xôi vào bên tai, đem cả xa vắng lửa trên ngực. Nghe gió mà cô đơn !

\*\*\*

Ôi ! cô đơn, cô đơn ! khi trăng đội tịch tịch ở sau vườn, cô đơn khi trời khuya tĩnh thức giậy, Cô đơn khi một điệu nhạc cũ nhắc lại những cảnh mất rồi. Cô đơn khi thời xưa trở giậy như một hồn ma. Ta lạc vào giữa những cảnh ấy : từ cả trời sao cho đến một cảm giác, ta đều không hiểu, và đứng chờ chờ nhìn trước ngoảnh sau ; cái vô cùng của tạo vật hiện cả mọi nơi, đi đâu ta cũng gặp cái vô cùng. Rồi thì ta bỗng sợ hãi như một đứa trẻ con giữa quãng không người ; ta thấy cô đơn, cô đơn !

Ta còn mang lấy cái «ta», thì ta còn dựng sừng sừng hồn ta ở trước vũ trụ. Hai bên nhìn nhau. Trong này là ta, ngoài kia là không phải ta, là trời. Tự khắc ta đổi nát một mụ trước cái vô biên. Vậy cho nên cứ trăng đẹp gió thanh, cứ chiều về, sao mọc, bất kỳ một cảm giác chi cũng mong ta bỏ cả vào giữa móng lung. Không mấy khi ta, dám nhìn hồn ta, chỉ sợ gặp cái luồng rùng rợn chạy buốt làn da chỉ trong hồn mình ta thấy luẩn hời nghìn kiếp, Nghe gió thổi,

(Xem tiếp trang 16)

# DEN CHUA VIET NAM

## O' XU' CAO-MEN

(Bài nổi)

Thúc-ngọc TRẦN VĂN GIÁP

### ĐOẠN THỨ HAI

Sách Đại nam nhất thống chí, (tỉnh An-giang, mục đền miếu).

Đền Lê-công ở địa phận thôn Đồng-phú, huyện Tân-xuyên, thờ quan Thống-Xuất Trưởng cơ về tiền triều là Lê-thành-hậu Nguyễn-hữu-Kinh. Quan cựu Trấn thủ Nguyễn-văn-Thụy dựng lên đền này vẫn còn to lớn ngát hương, rõ rệt linh ứng. Lại ở châu Sao-một giữa giòng sông Hậu-giang, là nơi xưa kia Ngải-sang-đánh Cao-mên khi thắng trận đóng quân ở đây. Sau dân ở đây lập đền thờ cúng, đến nay hãy còn.

### ĐOẠN THỨ BA

Sách Gia-dịnh thành thống chí, t. 6 từ 24.

Đền Lê-công ở phía Nam châu Đại-phố, thờ quan Khâm-sai Thống-xuất-Trưởng-cơ Lê-thành-Hậu Nguyễn-phước-Lê. Miếu vị nghiêm túc, trước mặt trông ra sông Phúc-giang lấy khối đá lớn làm Thủy thành, dưới thủy thành có nhiều cá chép lớn, hồng giả giỡn sóng, vây vùng hơi lội khi gió, nước vỗ đá kêu, sóng gió ầm ầm, tuồng tượng như anh linh được tôn thần ứng hiện, khiến người ta kinh rợn. Hồi loạn Tây-sơn, hương lửa âm thầm, một ông thầy đồ tên là Lâm Tân qua đó cảm động có đề bài thơ sau này :

Bạch thảo thế thế cổ tái trần,  
Hoàng hạnh di kiến dã hoa tàn  
Thiên lương sự nghiệp qui tiền đại,  
Địa dĩ sộ hà phúc hậu nhân  
Phong vô vị hốt trình chiến cốt  
Tử lớn tràng thác loạn ly thân  
Bình sinh nhất trích tâm thường lệ  
Bất khốc trung thần khốc loạn thần

DỊCH NGHĨA :

Bụi ái xưa, tre cỏ trắng ngàn,  
Thành hoàng hoa nội về còn xuân.  
Giới đem sự nghiệp cho tiền đại  
Đất lấy sơn hà để hậu nhân.

Chinh chiến giờ mưa xương lạnh lẽo  
Loạn ly còn châu nổi giận chầu  
Bình sinh giọt lệ tâm thường ứa  
Chàng khốc trung thần khốc loạn thần (1)

### ĐOẠN THỨ TƯ

Sông Lê-giang (tục gọi là Vàm Ông Chuông) ở nơi thượng khẩu rộng tám dặm, sâu tám thước. Đối diện cửa sông này có một cái bãi nhỏ, cũng nhân sông ấy mà gọi cùng tên. Ngang sông này cách phía Tây Đòng khẩu đạo (thuộc Sadeo) gò đăm ruối. Chảy về phía nam, giòng sông một quãng 60 dặm rồi đến cửa sông dưới, hợp lưu với sông Hậu giang.

Ở về bờ phía Tây sông có sở thú ngự Hùng sai.

Ở về bờ phía Tây ngành tên có đền thờ đức Khâm-sai Chuông-cơ Lê-thành-hậu họ Nguyễn. Đền này do dân ở đây, nhớ công đức Ngài xưa bình Cao-mên, khai-thác đất này cho nên làm đền thờ Ngài. Việc này cũng cùng một ý nghĩa với việc xây Tam-đương của ông Thiệu-bá trông (nói trong kinh Hi) ; việc lập đền thờ Thúc-ba tướng-quân Mã Viện ở phía Tây tỉnh Quảng-dông, việc lập đền thờ đức Võ-hầu Klông-Minh ở Vân nam. Thế mà người ta còn lấy tên ông để đặt tên sông, nghĩa là muốn cho đời đời nhớ công đức ông không bao giờ quên. Còn đến công đức ông rõ rệt thì đã biên chép ở các bậc cửa thờ thờ trong đền chính ở Biên-hòa. Việc mùa xuân mùa thu quốc tế ông, đã chép rõ trong hội-diên.

### ĐOẠN THỨ NĂM

Nguyễn-hữu-Kinh con thứ Nguyễn-hữu-Dật. Thuở trẻ, theo cha đi đánh dẹp có công được làm chức Cai-cơ, Đới vua Hiến-tôn, năm đầu là

(1) Chữ loạn thần đây là lấy điển trong sách Luận ngữ, nghĩa là : trị loạn chỉ thần «Bầy tôi dẹp loạn».

~~nam~~ Năm Bần (1692) vua nước ~~Chân~~ Chân-lạp là Đa-ninh làm phẫn, sấm lược đất Duyên-nhĩ Chúa thượng sai Hữu Kinh làm Tổng Linh cùng quan Tham mưu Bá Chánh đem về đổi đất nước ~~Chiêm~~ Chiêm làm trấn Thuận-thành. Gặp hồi ấy có người Tàu tên là A Ban dụ những du chúng ở Thuận-thành, rối loạn, Hữu-Kinh lại dẹp được yên, được thăng làm Chủ-ơng-cơ lĩnh chức Trấn thủ dinh Bình Khai. Mùa xuân năm Nhâm-tân (1693) chúa thượng sai làm Thông-xuất đem quân đi kinh lược đất Chân-lạp. Lấy đất Đông-phổ đặt làm phủ Gia-dinh rồi chia ra làm các huyện; lấy Đồng-nai làm huyện Phước-long đặt dinh Trấn-biên; Saigon làm huyện Tân-bình đặt dinh Phiên-trấn. Mở đất được hơn nghìn dặm, cư dân được hơn bốn vạn hếp. Lũe lấy giờ lại chiêu mộ thêm những lưu dân ở từ phía nam châu Bồ-chánh trở vào đem đến ở đây lập thành xã, thôn, phường, ấp, khai khẩn ruộng nương, định rõ các thuế, làm thành sổ dinh. Khi Ngài trở về lại làm chức Trấn thủ như trước.

Mùa thu năm Kỷ-mão (1699) vua nước Chân-lạp (Cao-mên) là Nặc Thu làm phẫn, thù thần ở Trấn-biên cấp báo. Chúa Nguyễn lại sai Hữu-Kinh làm Thông-xuất đi đánh. Mùa xuân năm Canh-thìn (1700) kéo quân đến nơi, lập trận ở Ngự-khê, đánh lấy Hoa-phong. Sai người do thám bư, thực rồi chia đường sang đánh Nam-vang. Binh-dội Nặc Thu ra nghênh chiến, Hữu-Kinh mặc nhung phục đứng mũi thuyền đốc quân lính đánh gấp Nặc Thu sợ chạy. Nặc Em ra hàng, Hữu-Kinh kéo quân vào thành yên ủi dân chúng. Nặc Thu sau cũng cấn quân môn xin hàng. Hữu-Kinh thành thực rủ rầy, sai Nặc Thu về Đa-bích chiêu tập lưu dân, còn Ngài thì kéo quân về châu Sao-mộc, tiêu việc thăng trận về triều. Khi kéo quân về đến Fim-lê thì nếm độ 51 tuổi. Chúa thượng được tin thương tiếc lắm, tặng Ngài làm liệt-tán công-thần đặc tiến Chương-dinh, thụ tước Trung-cần, ban cho vàng, lụa để làm ma cho Ngài. Người nước Chân-lạp lập đền thờ Ngài ở hạ đầu thành Nam-vang. Lại còn ở nơi Ngài đóng quân nơi Quận Ngài kéo đi qua ở trên bờ sông Đông-Khẩu đạo, nhân dân đều nhớ công đức Ngài lập đền thờ cúng. Lại còn nhân thế lấy tên Ngài đặt tên bãi đất ấy là Lễ-công-châu, đặt tên sông là Lễ-công-giang, là vì Ngài Hữu-Kinh tước hiệu

là Lễ tài Hầu. Ở châu Hợp-phố ở Trấn-biên là nơi đình cầu ngãi, cũng có lập đền thờ.

Trở lên đây là lược chép về ngôi đình Việt-nam ở Nam-vang gọi là Thượng-dưỡng thần-miếu và các đền thờ trong sử sách nói về ngôi đền ấy cũng là lược truyện vị tôn-thần thờ trong các đền thờ trên. Truyện cái đình này cũng như các chùa thờ Phật ở đất Cao-mên nói ở trên, thật là khiến cho ta nên lưu ý ghi nhớ cứu kỳ càng. Việc ghi chép cứu các đình, chùa ấy thật vừa có ích cho sử học nước Cao-mên và nước Việt-nam và nhất là lại ích cho vấn đề thực dân ở Nam Kỳ.

Thức-ngọc TRẦN VĂN GIÁP

## MỘT ĐÊM SAO

(Tiếp theo trang 14)

Ta không dám đi sâu hơn nữa, sợ trong cảm giác, ta lại gặp không gian với thời gian. Văng-khúc đàn, ta nghe chơi, không dám lặn sâu vào âm nhạc; đưa mùi hương, ta khựng dăm phần chất, sợ ngất, ngộp hết đại trong cái mê ly. Ta vịn vào lén nhấc đợng đề mà sống được cuộc đời. Hoa tay nữa chán làm ồn, chỉ sợ nghe khúc nhạc của lặng im. Thấy trời sao, ta cúi đầu, không dám nhìn lâu, sợ sao nói cùng ta khúc dền vĩnh viễn nước đời, trong ấy cái gì cũng có và không, có cái gì cả. Ta quên, lẫn lẩn có một lần đêm ở trên trời, và rằng ta cúi đầu lên trong cái ánh đèn điện.

Ta đừng giữ cái «ta» nữa. Còn gì khổ hơn mang lấy cái «ta»? Còn gì khổ hơn cứ thấy mình là mình; thấy như thế chỉ càng thêm hiểu, cần đề của vũ trụ. Ta nguyện thành nột giọt sống ở giữa đại dương, một hạt bụi trong Tái cát, một cái bánh xe khi trời chuyển lóp-lúc. Khi gió giẫy lên, khi nước cuộn, ta lần quay trong tay của chúa đời. Làm gì có cái «ta»? Đó là ảo ảnh của tuổi trẻ; đó là nhem lẫn của chúng sinh ham sống. Cứ tự cho ta là ta, mới thấy có đớn vắng vẻ như ta tự thấy thương thường.

XUÂN DIỆU

# PHÊ BÌNH HỌC THUYẾT LE PLAY

A. A. dịch

## Công của học phái Le Play

Bây giờ chúng ta sẽ qua công trạng của học phái này đối với xã hội học.

Công thứ nhất là *phương pháp* xã hội học. Phương pháp ấy lấy gia đình làm đơn vị (unité) của xã-hội; lấy trắc lượng mà đo các hiện tượng xã hội; lấy *Danh Biểu* mà phân tích các hiện tượng ấy.

Công thứ hai là những *thuyết luận* (monographies) khảo cứu về gia đình và những điều tra về ngành sách gia đình của Le Play và của những học giả kế thừa của ông.

Công thứ ba là khái niệm về ảnh hưởng của địa dư đối với các chế độ xã hội. Vẫn biết rằng (xem một bài sau về học phái địa dư) ảnh hưởng ấy đã có người nêu lên và nghiên cứu trước Le Play. Nhưng chính học phái Le Play đã có công thêm đợc nhiều nhận xét vào khu vực này và đã biểu diễn một cách rõ ràng ảnh hưởng, liên lạc và sự tiến hoá của ảnh hưởng ấy, giữa khu sở thiên nhiên và tổ chức xã hội. Quan điểm đại học mà học phái này về vấn đề khu sở có thể tóm tắt trong đoạn văn sau này :

« Ở trên địa cầu này có nhiều dân tộc, vì sao có nhiều ? thường người ta tưởng là vì *chủng loại* khác nhau. Nhưng nguyên tố *chủng loại* không cắt nghĩa đợc gì cả vì còn phải biết vì sao lại có nhiều chủng loại khác nhau. Chủng loại không phải là nguyên nhân mà chỉ là kết quả. Cái nguyên nhân đích xác của sự phân chia chủng tộc, chính ở « *đạo lộ* » (la route) nghĩa là khu sở (milieu) của mỗi dân tộc. Chính mỗi *đạo lộ* đã gây thành một chủng loại, một điển hình xã hội. Mỗi *Đạo lộ* rất có ảnh hưởng đến dân tộc đã theo *đạo lộ* ấy mà di cư : như những hoang nguyên (steppe) ở Á châu, những hàn địa (toundras) ở Sibérie, những hoang địa (savannes) ở

Mỹ, những u lùm ở Phi hay là những bãi sa mạc ở Arabie, v.v., đều tạo thành ra những chủng tộc khác nhau như người Mông cổ, người Esquimaux, Lapons, người da đỏ, hay người da đen ở Âu Châu những dân tộc Scanlinave, Anglo-saxon, Français, Allemand, Grec, Italien và Espagnol khác nhau cũng bởi *đạo lộ* mà xưa tổ tiên họ đã theo, trước khi tới trú sở hiện tại. Hễ thay đổi *đạo lộ* đi, thì chủng loại cũng thay đổi » (Démolins, Comment la route crée le type social quyển 1. tựa).

Căn cứ vào quan niệm ấy, học phái Le Play đã nêu lên nhiều quy lệ biểu thị sự liên lạc giữa khu sở (diện) với những đặc tính của mỗi tổ chức xã hội. Những quy lệ quan trọng nhất như là :

### A Liên lạc giữa *khu-sở* và *ngành-nghiep* :

Hoang-nguyên : nghề chăn nuôi,  
Hàn địa : nghề săn bắn và chài lưới  
Bờ biển : chài lưới  
Rừng : săn bắn  
Đồng bằng : nông nghiệp

### B Liên lạc giữa *khu sở* và chế độ tài sản :

Hoang nguyên : gia đình tài sản công cộng  
Hàn địa : gia đình tài sản công cộng  
Thăm lũng (fjord) : cá nhân tài sản

### C Liên lạc giữa *khu sở* và chế độ gia đình

Hoang nguyên : gia đình chế độ  
Hàn địa : gia đình chế độ hôn nhân khắt  
Rừng : gia đình bất định (instable)  
Thăm lũng : gia đình biệt lập (particulariste)

### D Liên lạc giữa *khu sở* và những tổ chức cao hơn gia đình

Hoang nguyên : thương đội (caravane) và chỉ huy xâm lăng (invasion)  
Thăm lũng : đồng ý kết lợi (associations co-actuelles), v.v.,

### E Liên lạc giữa *khu sở* và những hiện tượng tiến hóa của xã hội như là di cư, mỹ thuật.

tôn giáo, chiến tranh v.v...

Đại khái, ta có thể nói rằng : học phái này đã có công nghiên cứu, không kém gì các học phái khác, về ảnh hưởng của địa-dư đối với xã hội.

Cống thứ tư của học phái Le Play là đã vạch rõ những giây tương liên giữa các phương diện của một loại xã hội theo *Danh Biểu*. Thí dụ : tương liên giữa nghệ nghiệp và chế độ tài sản (xem những sách đã kể trên của Le Play : Tourville, Demolins, de Rosiers, Pinot) ; giữa chế độ tài sản với điển hình gia đình ; giữa điển hình gia đình với điển hình (Type) những cơ quan rộng hơn gia đình v.v....

Kiến thứ nam, và có lẽ là công to nhất, là ở sự phân trí các loại gia đình ra từng điển hình căn bản, sự nghiên cứu cội rễ của những loại ấy, sự mô tả những ứng dụng của gia đình và sự biểu diễn địa vị tối quan trọng của gia đình trong tổ chức xã hội và lịch sử của đoàn thể.

Theo học phái Le Play, thì những nhiệm vụ xã hội của gia đình là : sinh con cái, nuôi nấng con cái và nhất là giúp đỡ thiếu niên về phương diện xã hội và kinh tế. Những nhiệm vụ ấy, bất cứ gia đình về loại nào, cũng đã làm trọn. Cho nên ta có thể nói rằng gia đình bao giờ cũng là chế độ quan trọng nhất và có giá trị nhất trong xã hội. (xem Pinot trong sách kể trên).

Gia đình là xưởng chế tạo quan trọng nhất đã cải tạo con người sinh vật ra một con người xã hội. Nó cũng như nhà điêu khắc lấy «bột người» mà tạc thành hình dạng của chủng tộc với tất cả tính cách người ta muốn. Gia đình giáo dục ấn định điển hình của xã hội.

« Mỗi một gia đình giáo dục con em theo những điều kiện và nhu cầu của khu vực và quy mô của xã hội chung quanh ». Tùy theo lối giáo dục ta có thể phân biệt ba hay bốn loại gia đình căn bản :

*Gia trưởng chế độ.* - (famille patriarcale)

Chế độ này bắt con cái phục tùng mệnh lệnh của gia trưởng và phải bỏ hết tất cả cố gắng cá nhân để sống trong đời công cộng của gia đình, một cách phẳng lặng và hoàn toàn phụ thuộc vào đời công cộng ấy. Trong chế độ này, cá nhân hoàn toàn bị đoàn thể chi phối, thôn tính. » (Pinot, đồng thượng tr. 63). « Loại gia đình ấy thường thấy ở những dân tộc hậu tiến ở miền

Đông. Họ chỉ không biết tự lập, hoàn toàn lệ thuộc vào gia đình. Như thế thì không cần phải học thức nhiều, chỉ gọi là một ít nhiều kiến thức, và học ở trong gia đình, hay cũng có khi nhờ thêm đạo sư nữa, cũng là đủ lắm rồi. » (Demolins, *Superiorides Anglo-saxons* tr. 77). Những xã hội ấy đều bảo thủ, ngưng trệ và lạc hậu

Có một loại gia đình *tương tự chế độ gia trưởng* : con em có khi đi xa, nhưng vẫn liên lạc với gia đình, gửi tiền về cho gia đình và có khi lại trở về với gia đình. Sáng kiến cá nhân có phần phát triển hơn, nhưng đại lược vẫn ở trong quy mô của chế độ gia trưởng (Pinot, đ. t. tr. 63).

*Gia đình bất định.* - (famille instable) Đó là loại thứ hai « chế độ này không cấu trúc con em vào khuôn khổ nào cả, và cũng không rãm con em làm gì cả. »

Giáo dục không tôn sùng cựu quán như chế độ « gia trưởng » và cũng không vụ óc sáng kiến như trong gia đình « biệt lập » Trong chế độ gia đình bất định này nghĩa phục tùng và trí sáng kiến đều không có : con em không được hấp thụ một nền giáo dục gì đặc biệt, không có một tư cách gì riêng, nên thành là một cái mồi cho quốc gia cho chính phủ » (Pinot đ. t. tr. 64). Những xã hội thuộc về loại gia đình này tức là những « xã hội theo chế độ quốc gia công cộng » Quốc gia chiếm hết cả địa vị của gia đình và thiếu niên chỉ trông cậy vào quốc gia để lập thân thì dự làm công chức hay nhập binh đội. Phần nhiều những nước Tây Âu, như Đức Pháp... thuộc về loại ấy. Để được vào công sở thì phải thi, và nhân nhiều người thì nên các kỳ thi càng ngày càng khó. Trong chế độ ấy thì quan liêu chủ lễ, chính phủ hoành hành và chính quyền tập trung. Nước Phổ (Prusse) với chế độ quân phiệt và quan liêu là một thí dụ rất hoàn toàn của chế độ này. (ta nên nhớ về hồi Le Play nước Đức xã hội và nước Nga Xô viết chưa thành lập).

*Chế độ gia đình biệt lập (famille particulariste).* « Dạy cho con em một nghệ nghiệp nhất định và tập cho chúng biết cách tự lập. Rèn đức và phát triển óc sáng kiến. Giá trị của cá nhân rất được trọng đãi. Cá nhân tỏ chủ trương tất cả các đoàn thể công tử. Đó là một chế độ trong đó cá nhân đặc thắng quốc gia » (Pinot tr. 63). Mấy nước Bắc Âu (Scandinave)

và các nước Anh Mỹ là những thí dụ hoàn toàn nhất về chế độ này. Ở đó « cá nhân trọng hơn công cộng, tư nhân hoạt động trọng hơn quốc-gia hoạt động, và nhân thể, những nghề nghiệp có ích (như kỹ nghệ canh nông...) được trọng hơn công chức và nghề tự do ». Ở đó người ta không trông cậy vào gia đình nay quốc gia đề lập thân. Quốc gia rất ít công chức vì trị quyền không tập trung vào chính phủ. Cá nhân chỉ nhờ ở tài lực của mình và tự lập lấy thân. Mục đích cốt yếu của giáo dục (trong khu vực gia đình hay ngoài khu vực) là rèn đúc những đức tính cá nhân và đào tạo những người sử dụng giỏi (homme d'action) (Demolins d. t. tr. XIII, 78, 79).

Demolins và de Rosiers đã đem so sánh giáo dục của Đức, Pháp, tiêu biểu của chế độ gia đình bất định và giáo dục của Anh, Mỹ, tiêu biểu của chế độ gia đình biệt lập. (Demolins *Supériorité des Anglo Saxons*; de Rosiers *la Vie Américaine*; de Tourville sách kể trên). Họ kết luận rằng con em ở những gia đình biệt lập ra đều là những người khỏe mạnh, có nghị lực, biết rõ cái sở hành sở nguyện của mình, có kiến thức có kinh nghiệm và biết bảo vệ quyền lợi mà không trốn tránh trách nhiệm. (Demolins trang 95 A). Giáo dục ngoài gia đình, cũng chỉ theo nguyên tắc, nào phạm của giáo dục gia đình. Nó cũng có những tính cách ấy và khác hẳn lối giáo dục học đường của các nước theo chính thể quốc-gia công cộng (Demolins chương I, III).

Kết quả của nền giáo dục ấy là « Thanh-niên, cường tráng, bạo gian phong sương, không ỷ lại, chỉ tin vào mình, coi đời như một cuộc chiến đấu, đưa nhiều nghị lực ra để chịu đựng khó khăn, biết thưởng thức sự khó khăn, mong đợi sự khó khăn để mà vượt qua.

Đó là cái bí quyết sự hùng cường của người Anh, Mỹ. Đó là nguyên do sự thần diệu của công cuộc họ đã làm.

Trên đây là nói sự quan hệ giữa thể loại gia đình và chính thể cùng vận mệnh của xã-hội. Ta đã biết rằng mỗi thể loại gia đình sinh ra bởi hoàn cảnh, điều kiện gì. Đây là rõ thêm địa vị quan trọng của gia đình đối với chế độ và tổ chức quốc gia. Còn nhiều quy lệ khác mà các nhà học giả trong phái Le Play đã đề xuất, nhưng ta không thể diễn giải ra đây hết được.

Từ trước đến nay, chưa có học thuyết xã hội nào, vạch rõ địa vị của gia đình trong xã hội một cách minh bạch như học phái Le Play, trừ học thuyết của Không Tử ở Tần. Học thuyết của Không phu Tử cũng tương tự học thuyết của Le Play, vì cũng lấy gia đình làm căn bản xã hội. Nhưng một đảng Không-phu-Tử chủ trương chế độ gia trưởng, một đảng Le Play chủ trương chế độ « gia đình biệt lập ».

Công thứ sáu của học phái Le Play là đủ nghiên-cứu phương-pháp thực-hành để đem áp dụng vào công cuộc cải cách xã-hội. Có phương pháp đặc chủng áp dụng cho một trường-hợp, có phương-pháp tổng-quát chung cho nhiều xã-hội, và có thể ứng-dụng vào tất cả các thời-kỳ. Thuyết « gia đình biệt-lập » kể trên là một thí-dụ về phương-pháp đặc chủng (spécifique) của Le Play. Chế độ gia đình ấy được coi như là chính-thể hoàn-hảo của gia đình và xã-hội. Nền ông cố sức đem truyền bá chế độ ấy trong hoàn-cầu mà nhất là ở Pháp. Ông định thay chế độ gia đình bất định, và lập những gia đình biệt-lập và cải cách cả nền giáo-dục. Muốn thế, Demolins và mấy bạn đồng-chí mở một trường tư gọi là *Ecole des Roches*, đem thi-hành một chương-trình giáo dục của chế độ gia đình. (Demolins *l'Education Nouvelle*; *Supériorité des Anglo saxons*). Đồng-thời họ chỉ-trích kịch-liệt phương-pháp giáo-dục ở Đức và ở Pháp. Vẫn viú theo chế độ biệt-lập, họ công-kích thuyết xã-hội, và chỉ coi thuyết ấy như một biến-trạng của chế độ xã-hội gia trưởng có tật xấu của chế độ này mà lại không có tính tốt của nó. (Demolins-*Supériorité des Anglo saxons* tr.: 236—277; *Le Socialisme de vant la science sociale*). Họ phản kháng quyền can thiệp của quốc gia vào công việc của tư nhân và tất cả những xử phân gì giảm mất tự do và sáng kiến của cá nhân. Về phương diện ấy thì Le Play giống H. Spencer. Một mặt nữa, họ phản kháng tất cả những chế độ quý tộc di truyền. Họ muốn rằng nhân dân ai cũng bình quyền mà cạnh tranh để tới tất cả các địa vị. Họ công kích kịch liệt những địa chủ không chịu thân thủ trông nom việc canh nông, và họ cho rằng địa chủ mất tài lực mất thanh thế cũng vì họ không làm đủ bổn phận thiên nhiên của họ.

(Còn nữa)

# TRUTH

(Tiếp theo trang 10)

« Quyet nhien la ai cung khong chiu. Gia co ong o day ! Dau tien thi han dua gan cac phong canh de chung toi ban xem co duoc trinh nao. Coi tien, hoi han vo-tet vi thi rong can rui. Den hom sau, moi biet tin han da chuan voi vò về Anh bang tau Phap. Ong cu tuong-tuong luc do toi chi ve vien vai dong dinh toi ! Co nguoi bat ching toi rang neu het tien thi chinh-phu se cho ve tau ve, nhưng di boong thi chiu thoi. Cac nhit - bao deu ke chuyen chung toi va nguoi ta khuyen nen dien mot toi hat lay tien ma ve. Chung toi cung lam nhu the, nhưng khong co Victor voi vò han thi chang ra to gi, gia het chi phi thi toi van can nhu xua, Toi ching con biet soay so the nao thi vò vò Norman hoi toi lam vò. Ngo nhit la toi chi hoi quen nha toi. Nha toi dua toi di choi quanh đảo bang ô-tô và uống chè với nhau ở tiệm Europe vài ba lần. Bón dần ông phần nhiều làm cái gì là có manh tâm cả nhưng tôi nghĩ bụng hán mà đạt được ý nguyện cũng còn là tôn công. Đến lúc hán hỏi tôi làm vò, tôi ngạc nhiên quá không ngờ. Hán bảo tôi rằng hán có đồn-diên ở Boáo chỉ ít lâu nữa là khá. Đồn-diên ở giữa rừng, cạnh bờ sông. Hạng khoe là tiên cảnh, chứ còn gì nữa ! Tôi thích mê, ông tuong-tuong đã ba mươi tuổi đầu ! Càng nhiều tuổi, tìm chỗ làm càng khó, thế mà tự nhiên có nhà cửa, tiền nong thì còn gì hơn. Chẳng phải hết từ hăng tìm việc này đến hăng khác, hết đêm này sang đêm khác bair khoản tìm cách giả tiền cơm !... Độ ấy, Norman cũng khá : to nhón khỏe mạnh, đen xam... Chẳng ai có thể ngờ tôi bảm lấy bất cứ anh giai nào đề ...

Bà ta ngừng lại.

— Kia hán về ! Đừng bảo hán rằng ông gặp tôi nhé !

Bà ta sách ghè chạy vào trong nhà, đề mặc Skelton làm vò vò. Ông ngạc nhiên không hiểu tại sao lại có mụ đàn bà lỗ bịch ấy, khóc lóc thì thảm thiết, rồi chuyện thì cứ luôn luôn lắt

dầu, đặt tay, đẩy, chửi về thi kinh sợ, chạy trốn. Vài phút sau, Grange tới, chân bước nặng nề.

— Hình như ông khá hơn.

— Vâng, cảm ơn ông.

— Nếu ông muốn soi cơm với tôi thì tôi bảo nó dọn.

— Xin vâng.

— Thế thì hay. Tôi đi tắm cái, rồi thay quần áo

Hán đi và một chốc thì bồi bảo hán đương đợi Skelton. Skelton theo vào một phòng-khách bày biện lắm thường cửa che kín, đầy đồ đạc nửa Anh nửa Tàu, tòi tàn, Trên bàn la liệt những đồ chơi rẻ tiền. Tóm lại gian phòng không có vẻ gì thanh-mát, ấm-cúng. Lúc này Grange mặc sarong vào rồi có vẻ khỏe mạnh hơn. Hán giới thiệu Skelton với vò. Bà ta dơ tay bắt như chưa từng quen biết và nói mấy câu đơn giản.

Bồi vào nói cơm đã dọn, cả ba sang phòng ăn. Phòng tối, các đồ mạ vàng đã phai lợt cả; lọ đựng dầu ăn thì khắp khiêng, đĩa thì mề sứt, trông rõ ra cảnh nghèo nàn mà chủ-nhân hình như chịu đựng một cách thờ ơ. Giá hán ăn eo hóa thì vui mắt biết bao nhưng chẳng có ai buồn nghĩ đến chuyện đó. Bà Grange im lặng ăn chốc chốc tay với đầu lại rung như có máy đồng hồ chuyển động nhất là lúc chồng hỏi vò như đưa chai Worcester sauce thì tạt kia lại càng dữ dội. Không nói năng gì, bà đưa lọ cho chồng. Skelton có cảm-giác rằng thiếu-phụ sợ quá. Nhưng trông anh chồng thì không có vẻ gì là ác. Hán hỏi han Skelton về chuyện thám hiểm và kể cho ông nghe hai ba câu chuyện hay hay về các người ua lặn lội đi khảo-cứu hay tìm mỏ. Hán có học thức, cũng không đến nỗi kém thông minh; đáng điệu hán không được ăn cần nhưng xem ra hán cũng tử-tế. Bữa ăn xong, mọi người quay đi ngủ trư a. Grange bảo khách :

— Sáu giờ chiều tôi xin chờ ông uống khai-vị.

Ngủ một giấc dài, dậy tám xong, Skelton lại vác cuốn sách ra nằm ngoài hiên. Bà Grange lại ra, như có vẻ đợi chờ.

— Hán ở bàn giấy đã ra. Thấy tôi không nói với ông, ông đừng giận. Nếu hán biết tôi ua có ông ở đây, thì hán tất mời ông ra khỏi cửa ngay.

Bà ta thì thăm, rồi đi hút vào trong nhà. Skelton chịu không hiểu ra sao. Thật là cái nhà đến ngộ mà mình vào nhà một cách cũng đến hay. Ông ra phòng khách thì gặp ngay bà Grange. Một ý nghĩ vờ vẩn mãi trong óc Skelton : có lẽ mình ở đây làm họ tốn hơn chẳng, thành ra họ càng dùng ít. Nhưng nếu mình xin giả tiền, thì Grange sẽ nói ra sao. Ông cũng liều.

— Này ông này ! Tôi ngại nhất là lại phiền ông mấy ngày nữa, nếu ông cho phép tôi hoàn lại tiền ăn uống của tôi ở đây thì tiện quá, tôi mới khỏi áy náy.

— Có cần chi cái đó. Nhà ông ở không thiệt gì cho tôi vì là của các chủ nợ. Còn ăn uống, thì nhỏ mọn thăm vào đâu. Một năm, tôi chỉ có khách độ hai ba lần mà thường thường thì là viên thanh-tra miền này hay cũng một bữa vào hạng ấy. Và lại, đến như tôi ngày nay, thì chả có quái gì là đáng cần cả.

— Thế thì, tôi muốn nhường lại cho ông những đồ đạc dùng để cắm trại có được chẳng ? Tôi không cần những cái ấy nữa, hay là ông lấy một khẩu súng của tôi, tùy khẩu ông thích, thì tôi bằng lòng quá.

Trong mắt nhỏ, lấm lét của Grange sáng lên một tia thêm thường.

— Nếu ông cho một khẩu súng thì quá đủ lắm rồi.

— Xin vâng.

Tối đấy, nhả ngời xối whiskey, cả hai cùng nhận ra rằng mình thích cò nên dành một ván chơi. Grange cao lăm, Skelton phải chột vọt khổ khăn. Bà Grange thì mãi đến bữa mới ra mặt. Bữa cơm huyên làm sao, chỉ một li chắt nhạt tuếch, một món cá sống thối muối, một miếng bip-tếch dài như chấu, đồ-xe thì là món pudding au caramel. Đản ông thì uống bia, các đản bà thì uống nước lã. Bà Grange không có khơi chuyện trước bao giờ, thành ra Skelton lại có cái cảm giác nặng nề rằng đó là một người đản bà bị chồng nuy hiếp quá. Nhưng thật ra, trong lời nói của Grange chẳng có chi tỏ ra như thế ; đối với hân thì vợ hình như không có mặt ở trong nhà.

Một hai lần, theo phép lịch sự, Skelton, tìm cách gợi chuyện để bà ta phải giả vờ nhưng xem chừng bà ta có vẻ lúng túng lắm. Đầu càng lắc, tay càng rung, thành ra Skelton thương hại để yên. Cơm xong, bà ta đứng dậy liền và nói :

— Xin mời các ông uống porto.

Mà vừa ra thì cả hai người đản ông cùng đứng dậy, cái thói quen lịch sự ấy ở chốn này hóa ra lỗ bịch.

— Tôi xin mời đề ông hay rằng ở đây không có porto có lẽ chỉ còn ít benédicte.

— Ồ ! Có cần gì.

Một lúc sau, Grange ngáp. Sáng nào hân cũng dậy từ một đất nền đến chín giờ tối hân khó khăn mới khỏi dip mắt.

(Còn nữa)

## BẠN MUỐN CÓ ĐỦ ẢNH CÁC NHÀ VĂN DANH TIẾNG VIỆT-NAM

Như : Đào Duy Anh, Nguyễn văn Tố, Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Ng. văn Vĩnh, Phan trần Chúc, Đào trinh Nhất, Ng. Tuấn, Thế Lữ, Tú Mỡ, Trần thanh Mai, Vũ hoàng Chương, Vũ trọng Phụng, Lưu trọng Lư, Ngô tất Tố, Nguyễn Hồng, Hàn mặc Tử, Đông Hồ, Thiến Sơn, Phan Khôi, Quách Tấn, Huy Cận, Xuân Diệu, Đoàn phú Tì, Trần tuấn Khải, Hoàng ngọc Phách, Tản Đà, Tam Lang, Trọng Lang, v. v.

Tất cả 40 ảnh (kích 9 x 12) in trên giấy láng tốt, bạn muốn có đủ xin gửi mandat 8\$60 cho M. YÊN SƠN, kiosque Thanh-tao — Vinh (ảnh sẽ gửi đến, bạn cùng 1 lần với 2 quyển Nhà văn hiện đại của Vũ ngọc Phan.

Đã có bán

## TRUYỆN DỊ THƯỜNG

(Histoires extraordinaires) của Edgar Poe

Bản dịch của MỘNG HUYỀN GIÁ 4\$50

## TÌM NGHĨA VĂN HỌC

của NGUYỄN HƯNG PHAN GIÁ 2\$20

## TRIẾT HỌC ARISTOTÊ

của NGUYỄN ANH NGHĨA GIÁ 3\$30

Sắp có bán

## CHÍNH TRỊ ĐẠI CƯƠNG

của NGUYỄN PHƯƠNG NAM GIÁ 3\$70

## NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

29, Lamblot — Hanoi

# Nhà Nguyễn, nhà Lê

NGUYỄN THIỆU LÁU

Họ Trịnh đoạt quyền, áp-chế nhà Lê : năm 1737, Lê duy Chúc (con vua Lê hy Tôn) và Lê duy Quý, Lê duy Mật (con vua Lê duy Tôn) đã khởi-nghĩa chống cự lại. Vì cơ-mưu thất-lộ, Lê duy Mật và Lê duy Quý bị bắt đem giết; Duy Mật trốn được, chạy vào thượng miền Thanh-hóa. Vì bị quân Trịnh Giang thúc-bách, Duy Mật chạy sang vùng Trấn-ninh (vào hồi năm 1740). Năm 1753, Trịnh Doanh muốn mượn chúa Nguyễn (Võ Vương) đường Cam lộ để tấn binh đánh Lê duy Mật, nhưng Võ Vương không nghe. Tuy vậy, Trịnh Doanh cũng bắt được nhiều quân Lê duy Mật đánh phá ở địa-hạt Bắc-kỳ. Năm 1764, Duy Mật cầu-cứ Võ Vương nhưng không được. Khi Trịnh Doanh mất (1767), Lê duy Mật quá tin ở lực-lượng của mình khởi thế công, đánh thẳng về Thăng-long. Trịnh Sâm, con Trịnh Doanh, phái Bùi thế Đạt đem rất nhiều quân lính và súng ống chống cự, Duy Mật phải lui quân về Trấn-ninh, nhưng Thế Đạt đuổi theo tới tận Trấn-ninh, vây hãm thành trì, đánh phá đến nỗi Lê duy Mật — vì không muốn hàng — phải xếp thuốc súng đốt để tự-tử (1770) (Chép theo Ch. Maybon).

Trong hơn ba mươi năm, Lê duy Mật đã chống cự với họ Trịnh. Sau này, con cháu nhà Lê không có thể khởi nghĩa đánh đổ họ tiếp quyền được nữa. —

Tháng hai năm sau (năm Ất-sửu, 1805) tôn thất và cựu thần nhà Lê như Lê duy An, Trịnh Hiến, Lý Bình Đạo, Nguyễn hựu Cung, hồi trước có theo vua Lê sang Tàu ở 16 năm, đều được vời vào Kinh làm quan (Trịnh Hiến và Lý Bình Đạo làm Thị trung học-sĩ, Nguyễn hựu Cung làm Chánh-cơ).

Tháng sáu năm Đinh-mão (1807), gặp lễ Thất-tuần khánh-tiết đức Hoàng thái-hậu, con cháu nhà Lê, họ Trịnh xin về Kinh châu Khánh-tiết.

Năm Kỷ-tỵ (1809), tháng giêng, vì nước công vua Thánh Tôn phá Chiêm-thành giữ đất đến Phú-yên, đem dân vào ở, khởi đầu sự khai thác nước ta về phía nam, Gia long truyền lập miếu thờ ở xã Phú-xuân, ngay ở Kinh.

\*\*\*

Vậy Gia long đối với các vua Lê, con cháu và bầy tôi nhà Lê không tỏ ra là một ông vua hẹp hòi. Có lẽ vì muốn thu-phục nhân-tâm dân Bắc-hà; và lại Gia long — sau khi được vua Tàu phong vương (tháng giêng năm Giáp-tý (1804)) sau khi lên ngôi Hoàng-đế tháng năm, ngày Ất-vị năm Bình-dần (1806)) không sợ con cháu nhà Lê khởi nghĩa nữa.

Bắc-kỳ hoàn toàn ở dưới quyền họ Trịnh cũng như Trung-kỳ ở dưới quyền họ Nguyễn.

Nhưng sau thời kỳ rất ngắn của nhà Tây Sơn, thứ nhất là sau khi Nguyễn Ánh thu-phục lại cả ba xứ nước nhà, bỏ hẳn nhà Lê, con cháu nhà Lê có lần nào khởi nghĩa lên không? Họ đã chống cự như thế nào?

\*\*\*

Năm Nhâm-tuất (1802) tháng sáu ngày Canh-thân, Gia long lên thành Thăng-long. Nguyễn quang Toản đã bỏ thành chạy (chả hao lâu sẽ bị bắt ở Bắc-ninh).

Gia Long thân yết miếu vua Lê thái Tổ và tháng chín phong cho con cháu nhà Lê là Lê duy Hoán làm Diên-tự Công, cấp cho 1.016 tên tử phu, 10.000 mẫu tư điền và tha binh-diệu và thuế thân cho tất cả họ. Trịnh-Tur, giòng giời họ Trịnh, được cấp 500 mẫu tư điền để coi việc tế tự; 240 người con cháu họ Trịnh được tha binh-diệu và thuế thân.

Năm Giáp-tý (1804), con cháu nhà Lê xin dời miếu nhà Lê từ Thăng-long về làng Bồ-vệ (huyện Đông-sơn, Thanh-hóa) Gia long truyền quan trấn Thanh-hóa bắt dân làm miếu lại, rồi cho 100 dân làng Bồ-vệ làm miếu-phu.

Tháng tám năm ấy, quan tài vua Lê chiếu Thống ở Tàu về, Gia-long sai quan Bắc-thành sửa sang quan tài, cấp tiền gạo cho lính hộ tống về táng tại tỉnh Thanh.

Nhưng tháng 11 năm Bính-tý (1816) có người phát giác Diên-tự-công Lê-duy-Hoán mưu phản.

Lê-duy-Hoán bèn bị bắt bỏ ngục rồi bị giết về tháng 5 năm sau (năm Đinh-vị 1817).

Tháng 12 năm Đinh-vị (1817) Gia-long khiến quan Bắc-thành lựa một người con cháu nhà Lê — thay đồng Lê-duy-Hoán — để coi việc tế tự.

\*\*\*

Tháng giêng năm Kỷ-mão (1819) Gia-long sai Lê-văn-Duyệt ra kinh lược trấn Thanh, trấn Nghệ, vì hai trấn ấy, năm nào cũng mất mùa, trộm cướp nhiều, quan sở tại không kiểm chế được.

Tháng sáu, Lê-văn-Duyệt xin cho Quách-tất-công và Quách-tất-Tại — hai con của Quách tất-Tự, di quân thứ với Duyệt — làm chức Phòng-ngự thêm-sự, quản-xã Sơn-ám, xã Chân-lại, xã Trường-môn và xã Bang-lương-phòng giữ đồn Chi-nê (Ninh-bình).

Đến năm Nhâm-thìn (1832), con Lê-duy-Hoán là Lê, duy-Lương sẽ hợp với họ Quách ở Sơn-ám khởi loạn.

\*\*\*

Lê duy Lương (còn gọi là Lê-ti xã Sơn-âm) (châu Quan-hóa) là anh em Quách tất Công hợp đặng khởi nghĩa.

Duy Lương xưng là Đại-Lê hoàng-tôn, tạo ấn, phong chức (như những chức Tiền, Hậu, Trung, Tả, Hữu năm quân và Thống-tướng, Thống-chức, Thống-lĩnh). Dân ba thổ huyện Lạc-thổ, Phụng-hóa, An-hóa (thuộc tỉnh Ninh-bình) sung bắt làm quân: những tù phạm trốn và dân đói ở các hạt gần đó theo nhiều, ước đến vài nghìn. Quan quân thường bị hại.

Tháng hai năm Nhâm-thìn (1832) (tức là năm Minh-mạng thứ mười ba) Lê-duy-Lương đưa thư cho Trần-Từ, Đỗ-Bảo ở phủ Trấn-Ninh. Trần-Từ và Đỗ-Bảo xướng-xuất cho binh các đội giết chánh - đội Đỗ-trọng-Thai và tám người lính, cướp kho - giới, theo đường núi phan Kỳ-son, Hội-nguyên mà đi ra Bắc.

Tạ-quang-Cự, Tổng-dốc An-tĩnh chia quân đón bắt và đem việc tâu lên. Minh-mạng khiến các địa phương Thanh-hóa, Ninh-bình và Sơn-tây phòng triệt cho nghiêm, lần lần bắt được hết thủy. Trần-Từ và Đỗ-Bảo đều phải tội lăng trì.

Tháng ba năm Quý-tị (1833) Quách-tất-Công đánh vây thành phủ Thiên-quan. Lê-duy-Nhiên hiệp đồng người làng Thạch-bì là Đinh-thế-Giáp, Đinh-thế-Đức, Đinh-công-Trịnh, Quách-công-Tiến đem đảng hơn ba nghìn người xâm nhiễu châu Đà-bắc, tỉnh Hưng-hóa, hăm dọa Vạn-pha.

Minh-Mạng khiến Tổng-dốc An-tĩnh là Tạ-quang-Cự thân đốc 2 nghìn binh-bình, năm con voi mau đến Ninh-bình để làm thanh-viện; lại khiến hộ-phủ Thanh-hóa là Nguyễn-dăng-Giai qua đồn Phố-cát hội-tiểu.

Tháng sáu, Tạ-quang-Cự bắt sống được Lê-duy-Lương và Lê-duy-Nhiên, đóng cũi giải về kinh.

Đảng Lê duy Lương tan.

Khi dân sự đã được yên ổn Minh Mạng (tháng tư năm Đinh-thân 1826) đặt lưu-quan ở ba thổ-huyện Phụng-hóa, An-hóa, Lạc-thổ: Tri-huyện kiêm lĩnh-giáo chức.

Nhưng nửa năm sau, còn chiến nhà Lê lại khởi nghĩa, chính lại ở xã Sơn-âm. Vì anh em họ Quách vẫn chưa bị bắt vì giòng giới nhà Lê còn có Lê duy Hiền.

\*

Lê duy Hiền — là con Lê duy Trạch — không biết họ hàng với Lê duy Lương như thế nào. Người tỉnh Bắc-ninh là Hoàng-đồng Nguyệt dẫn Duy Hiền vào làng Sơn-âm, tôn xưng là Đại-Lê Hoàng-thân hiền-công. Còn Đồng Nguyệt tự xưng làm Quốc-sư.

Ở Sơn-âm, anh em họ Quách, sau khi bị đánh thua, vẫn tụ họp đồ đảng. Tháng mười hai năm Quý-tị (1833) Hộ phủ Ninh-bình là Lê nguyên Hy có mặt tâu rằng: «Trong tỉnh hạt huyện Lạc-thổ, An-hóa và Phụng-hóa thói dân «giáo-trà. Địa phận tiếp giáp với Thanh-hóa, Hà-hội «Sơn-tây và Hưng-hóa, rừng rú rộng xa, núi khe hiểm trở. «Tụ trung họ nhón các xã chỉ có bọn nghịch phạm Định «thế Đội, Quách tất Công, Cao viết khoái. Mấy họ ấy đời «đời kết-hợp với nhau mà dân đó cứ theo các tên thổ-tý,

(thổ-mục, chỉ một lính hồn nhân mà không biết phải nước, thường chống-án cho nhau) Lê duy Lương. Lê «đây Nhiên bắt được ở đó đều là người nơi khác mà «tới! Nay nghe hơn Quách tất Công tụ đảng hơn ba trăm «người ra vào phía rừng các làng Sơn-âm, Thương-lũng «Hiệu-lũng Trung-hoàng. Còn đảng giặc trốn ở Thanh- «hóa bốn năm trăm người ra vào ở núi Sông-lãnh gần núi «Tam-diệp.» Lê nguyên Huy sức Lãnh-binh Nguyễn văn «Tường đi nữa bắt và xin Minh-mạng sức cho các đạo đi «hội-tiểu. Như, Minh mạng mật-dụ rằng: «Phải dụ dân «tho ra sức tìm bắt, đừng khiến chúng nó có bụng ngờ «sợ mà hóa ra thất-sách»

Họ Quách nuôi giấu Lê duy Hiền, tôn làm Minh-chủ, chiêu-dụ đồ đảng dục ần dục quan, mật dụ những Thổ-ý, Thổ mục ở châu Quan-hóa, Cầu-thủy, Lang-chánh thuộc về tỉnh Thanh-hóa. Bọn giặc lại khiến Quách-phủ, Thái-thị Đinh-kim-Bằng đi sai người xứ Ái-chữ là Phạm công-Nho, người Cồ-lũng là Hà-công-Kim, người Hồ xuân là Phạm-bá-Nho đem đồ đảng hơn năm trăm đến động Hồi-xuân giết Tri-châu là Tô-danh-Cần bỏ thây, xuống sông. Những việc đó xảy ra vào hồi tháng mười năm Đinh-thân (1830) tức là năm thứ 17 đời Minh-Mạng.

Minh-Mạng cho Tạ-quang-Cự làm Kinh-lược đại-sứ đạo Minh-bình, Hà-duy-Phiên làm Tham-tán đại-thần, đều ban cho ấn Quan phòng làm việc quan. Ngải lại dụ tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh dẹp phải một quân-vệ đem về biên binh năm trăm đi theo quân thứ sai khiến.

Tháng mười một, bọn Hà-công-Kim, Đinh-kim-Bằng hiệp với tên Phạm-thức-Liêu tụ chúng hơn một nghìn, từ châu Lang-chánh kéo xuống hai huyện Thủy-nguyên và Lôi-dương, Kim-lĩnh làm tờ hịch, xưng niên hiệu, Vĩnh-tại có nhiều người theo làm, Đồng đảng là Lê-phi-ất người động Khương-cải và Lê-phi-Bài người động Thổ-nang, bắt giết Tri-châu Lang-chánh là Hồ tổ Thiệm. Bỏ-chánh, Nguyễn-phước Sơn phi-tư các quan quân-thứ hội-tiểu.

Lãnh-binh Thanh-hóa là Nguyễn-văn-kỳ đóng ở Ái-chữ bị Phạm công Nho tới vây: quân Triều-đình chết và bị thương nhiều lắm. Thự Tổng-dốc Hoàng văn Ân lui về làng La-khâm. Giặc chia đồn đóng giữ.

Thấy thế giặc mạnh mà các quan địa-phương không dẹp nổi, Minh-Mạng cho Binh-bộ Thượng thư, Cơ-mặt viện đại thần Trương đang Quế sùng Kinh-lược-sứ tỉnh Thanh-hóa, Doãn-Uần và Nguyễn-dăng-Giai sung chức phó-sứ. Lại truyền dụ tỉnh Hà-tĩnh lượng phải một vệ lính tỉnh, tùy theo sai phái.

Năm Đinh-dậu (1837) tháng giêng, Tổng-dốc An-tĩnh là Phạm-văn-Điền tiếp được phủ Quy-châu báo, rằng quan Triều đình đánh giặc ở Nông-cổng bị thua, giao xâm tới hạt Quy-châu, Văn-Điền phái Lãnh-binh Nguyễn-văn-Đức từ Quy-châu thẳng tới địa-dầm tổng Lâm-tự tỉnh Thanh-hóa để hội-tiểu. Trong khi đó thì Đề-dốc Hà-ninh là Tôn thất-Bật đánh phá giặc ở Cao-trí, đuổi theo đến thẳng địa-dầm châu Lang-chánh.

Trương-dăng-Quế tới đóng ở Lang-chánh vào hạ-tuần tháng giêng. Quân giặc từ khi bị thua đều chạy cả: giặc ở Tam-lư (thượng du châu Lang-chánh, tiếp giáp huyện Man-duy và Trinh-cổ) và Tứ-dộng (thượng du châu Quan-hóa, tiếp giáp tỉnh Hưng-hóa) đều chạy về sào-huyệt cả, còn toán giặc ở Lang-chánh thời trốn vào rừng rú.

Đặng-Quế liền thương-ủy Nguyễn-dăng-Giai tới Tứ-dộng, Tôn thất Bật tới Tam-lư để đuổi theo giặc, còn binh cùng Doãn-Uân ở lại Lang-chánh yết thị chiêu-an.

Đặng-Quế đem hết tình-trạng tâu lên vua và xin rằng: « Bọn Khương Chánh đường đi thông bốn ngã rất là « xung yếu xin lập một đồn lầu để trấn áp và sau để « làm châu-ly ở đó luôn; chúng tôi đã sức đòi dân « huyện Lôi-dương 300 tên hiệp với quan-binh xây đắp « rồi, đặt tên là đồn Ninh-lương, phải quân đông giữ ».

Minh-mạng liền cho quan bị cách là Lê-nguyên-Trung làm Tri-châu Lang-chánh.

Tháng hai, Kinh-lược sứ ở Ninh-bình là Tạ-quang-Cự và Tham-tan Hà-duy-Phiên tự Phù-biễn đem quân trở về, chia đạo tấn tiêu giặc Sơn-âm.

Tháng ba, Kinh-lược phó sứ Thanh-hóa là Nguyễn-dăng-Giai, Đề-đốc Tôn thất Bật đóng binh ở Ái-chữ, bắt được tướng giặc Phạm công Nho đóng cũi đưa về Kinh-giết ngay.

Quan-binh đạo Ninh-bình bắt được tướng giặc Quách-tất-Tề đóng cũi đưa về Kinh làm tội.

Trương-dăng-Quế tâu: « Trong châu Lang-chánh các « xứ Trinh-vạn, Mậu-lộc, Quân-Thiên, Lâm-lự — ở phía « tả sông Lương — dân cư giữa núi, mỗi dặm một hai « nhà, chẳng thành làng xóm, mà rừng rú núi khe đi lại « rất là hiểm và xa cách châu-ly, thiệt khó xem xét. « Huống chi xứ ấy, hai mặt Tây, Bắc tiếp giáp Quý-châu « tỉnh Nghệ và xứ Sầm-tộ Trấn-biên, cũng là một nơi « quan yếu, nếu giữ-gìn nơi ấy thì xứ Lâm-lự và Quân- « thiên không cựa hiểm được nữa. Vậy xin chia Trinh- « vạn làm hai xã với xã Thọ-thắng, xã Mậu-lộc đặt tên « là tổng Trinh-vạn chia tám xã thôn ở Lâm-lự và Quân- « thiên đặt làm tổng Quân-nhân; lại trích tổng Như- « lương ở huyện Nông-cống, tổng Luận-khe ở huyện Lôi- « dương đặt làm châu Thường-xuân. Đắp thành Trinh-

« vạn để làm châu-ly. Còn huyện Cẩm-thủy chưa có « huyện-ly mà xét huyện ấy dân cư trở mặt lại không « núi khe hiểm cách, xin bắt lính đắp thành tại xã « Thanh-lâm ở về phía tả sông Mã cho huyện-viên tới ở « đó làm việc » Minh-mạng y cho đủ cả các điều tâu ấy.

Kinh-lược Ninh-bình là Tạ-quang-Cự, Tham-tan Hà-duy-Phiên lại bắt được vợ con Quách-tất-Công, Quách-tất-Tề đều đem chính pháp.

Tháng tư, Trương-dăng-Quế giao cho Thổ ty Quan-hóa là Hà-vân-Vân đi bắt giặc, Vân bắt chết tên tướng giặc là Phạm-bất-Nho ở rừng Lục-canh bỏ đầu vào thùng phất về kinh.

Tạ-quang-Cự và Hà-duy-Phiên bắt được Lê-duy-Hiền, chạy cờ đỏ về báo-tiếp. Tên Hoàng-dồng-Nguyệt xưng làm Quốc-sư cũng bị binh đầu bắt giải: hẫu cần lột tự-tử,

Nguyễn-dăng-Giai bắt được Đinh-kim-Bảng đóng cũi đưa về kinh; lại bỏ đầu Phạm-phúc-Hiền vào thùng để về luôn.

Trương-dăng-Quế đem những kinh-lược sự-nghi bày tâu Minh-mạng dụ rằng: « Thuế đinh, thóc điền năm nay và tiền lửa trích-khiến « mấy năm trước t « sáu huyện « châu bị giặc đều gia ơn tha hết; « trong bảy t « về huyện « Lôi-dương, huyện Nông-cống, huyện Thụy-ng « cũng « vậy ».

Tháng năm, Trương-dăng-Quế nghiêm-đốc bọn thu-dinh bắt lần đem nạp cả thầy mười người thân-thích bên tướng giặc Hà-công-Tư, Lê-phi-Hiến, Lê-phi-Ất, Lê-phi-Bài, Hà-công-Kim, Phạm-thúc-Liêm Rồi Trương-dăng-Quế được lệnh đòi về kinh.

Việc Kinh-lược tỉnh Ninh-bình đã xong, Tạ-quang-Cự và Hà-duy-Phiên về kinh.

Minh-mạng truyền đổi huyện Lạc-thổ làm huyện Lạc-an, tước tên xã Sơn-âm, dời dân xã ấy cả thầy 133 người ra ở các xã duyên-hải tỉnh Ninh-bình mà phải quân-thúc một cách rất nghiêm; còn ruộng đất Sơn-âm thời cấp cho các xã lân-cận nhận lĩnh cấy và ở.

Tháng ba, Ngự-sứ đạo Bình-phu là Ngô-văn-Địch và Ngự-sứ đạo An-hà là Ngô-văn-Thạc có tâu rằng: « Những « gò đất ở Sơn-âm nhiều chỗ như hình súng, hình guom, « họ Quách đời nào cũng có kẻ phản-ngịch, cũng tại phong « thổ sui khiến ra vậy; xin cho phá bằng mấy gò đất ấy « để khỏi sinh giặc ». Không biết Minh-mạng có sai làm theo như tâu ấy không.

Tháng bảy, có dụ dời con cháu nhà Lê vào Tả-trực kỳ, ty Quảng-nam trở vào ba tỉnh trong, cho ở mỗi huyện 15 người; mỗi người cấp 10 quan tiền, 1 mẫu ruộng công.

Tháng sáu năm Ất-vị (1835). Minh-mạng đã có dụ tước-trừ các ngạch con cháu nhà Lê, họ Trịnh.

\*\*\*

Con cháu nhà Lê còn có lần khởi nghĩa nữa

Lê-duy-Cự hiệp cùng Cao bá Quát Giáo-thụ phủ Quốc-oai nổi lên: Duy-Cự làm Minh-Chúa, Bá-Quát làm Quốc-sư, quấy rối miền Hà-nội, Sơn-tây được vài năm. Đến tháng mười hai năm Giáp-dần (1854) Phó Lãnh-binh Sơn

## ANH HOA

69. HÀNG THAN — HÀ-NỘI

ĐÃ RA :

QUÊ HƯƠNG (NGUYỄN TUÂN) .. .. Hết  
PHONG LƯU ĐỒNG RUỘNG (TOÀN ANH) Hết

SẼ RA :

BÔNG - CHU LIỆT QUỐC,  
Ấm Bằng Văn Tập (văn-nghệ Lương khải Siôn)  
Tổng phát hành: NHÀ SÁCH MINH-ĐỨC THÁI-BÌNH

ây Lê Thuận phá hết đàng nghịch ở núi An-sơn: Cao bá Quát bị bắt sống.

Năm Tâu-Dậu (1861) tháng mười hai, ở Quảng-yên, Cổ-đạo tên là Trương nổi loạn, tôn Tạ văn Phụng làm Minh-chúa: Văn Phụng tự xưng là Lê duy Minh, con cháu nhà Lê; không biết là thật hay dối. (1)

Năm Nhâm-tuất (1862) ở Bắc-ninh, viên Chánh-tổng là Nguyễn Thanh tự xưng Nguyên-soái, tôn tên Huân làm Minh-Chúa. Năm Tự-dức thứ tám (1855) Huân đã khởi nghịch, tự xưng là con cháu nhà Lê. Sau dằng tan hẳn trốn đi, đến bảy giờ lại xuất đầu lộ diện. Đảng Huân liên-lạc với đảng Phụng và giặc Tâu tràn sang bên tả: đến cuối năm Bình-dần (1866) Tự đức mới dẹp xong.

\*\*\*

Những việc chép trên đây là theo sách *Quốc-triều chánh-biên* *loạt-yếu* của Bộ Học ở Huế xuất bản năm 1923.

Theo sách đó, ta chỉ biết *đại-lược* mà thôi; muốn hiểu rõ, ta cần phải khảo cứu theo *Thật-lực* và theo nhiều sách khác nữa: xin dành công việc cho các nhà "sử" học sau này.

Nhưng ta cũng có thể, theo tài-liệu trên đây — tài liệu chắc chắn vì trích trong *Thật-lực* — hiểu được ít nhiều.

1. — Người Mường, Thái ở thượng du Thanh-hóa, Ninh bình (họ Quách) đã giúp Lê duy Lương khởi-nghĩa (từ đầu năm Nhâm-thìn 1832 đến giữa năm Quý-tị 1833 trong vòng một năm rưỡi) và Lê duy Hiền (từ tháng mười năm Bình-thán 1836 đến giữa năm Đinh-dậu 1837, trong vòng bảy tám tháng).

2. — Tạ quang Cự, Tổng đốc An-tĩnh đã đánh được Lê duy Lương một cách rất dễ dàng: chỉ cần binh lính ở Nghệ-tĩnh và chỉ nhờ các tỉnh lân-cận phòng giữ đón bắt quân nghịch. Quân nghịch thất bại ngay từ đầu vì không sui được quân Trấn-ninh nổi loạn; chỉ khởi thế công có hai lần: vây thành phủ Thiên quan, hãm đồn Vạn-phá.

3. — Họ Quách không bị bắt, giết ngay năm Quý-tị (1833) vì là họ Mường, được thổ dân nghe theo vì ở nơi rừng

(1) Hiện giờ ở Nghệ-an, còn có họ Lê duy: có phải là con cháu nhà Lê không? Đến ở Nghệ tự bao giờ.

Năm Giáp-tuất (1874) tức là năm thứ 27 triều Tự đức, tháng giêng, vua Tự đức chuẩn phong cho con cháu nhà Lê là Lê duy Kiến ở Bình-định làm Phó quản-cơ, Diên-tự nam, cho đi trạm về Thanh-hóa để chủ-tự nhà Lê. Duy Kiến tâu rằng: «Khi trước (nhà vua) cho vào ở Bình-định, chỗ ở đã yên. Nay cho về Thanh, được gần tiên-tổ, vẫn là muốn làm, nhưng e hoặc có kẻ nhân đó sinh sự, lại thêm tội cho tôi, phụ ơn Triều-đình châu-loạn. Tôi xin ở lại Bình-định để phụ ơn lâu dài». Ngài cho nhưng đành việc lập-tức nhà giám-tự. Còn việc tế-tự miếu vua Lê với các đời vua trước thời thuộc về nhà Lê. Rồi Ngài chuẩn cho Lê duy Kiến được tha thuế trọn đời.

núi, khó cho quân Triều-định tìm nã. Tháng tư năm Bình-Thân (1833), Minh-mạng đặt lưu-quan ở Phụng-hóa, An-hóa, Lạc-thô: đó là một cơ cho các thổ-tý ở nơi đó khởi loạn vì *quyền-lợi của họ*, *đổi đời truyền lại, bị mất về cách cai-trị mới*.

Họ Quách có liên lạc gì với nhà Lê không? Họ làm loạn để phù nhà Lê hay để giữ quyền lợi của họ? Họ có lợi-dụng Lê-duy-Lương, Lê-duy-Hiền để cho vây cánh họ đông hay không? Nhà Lê hồi xưa khởi nghĩa ở Lam-sơn, dựng binh ở thượng du Thanh-hóa, ở đất đai của người Mường, Thái, lẽ tất nhiên là có ảnh-hưởng đến các thổ-dân, thổ-tý.

Dù thế nào mặc lòng, ta nhận thấy là dân trung-châu Bắc-kỳ và Thanh, Nghệ đã hưởng-*ng* rất ít với con cháu nhà Lê.

4. — Khởi nghĩa lần thứ hai, phò Lê duy Hiền, họ Quách đánh từ thượng du Thanh hóa trở xuống đồng bằng và Quý-châu (Nghệ-an): quan địa-phương không dẹp nổi, Minh mạng phải sai Bình-bộ Thượng-thư Trương đảng Quế đi kinh lược; lại dụ linh Hà-tĩnh ra trợ lực.

Quân nghịch dần dần bị tiêu trừ Trương đảng Quế đắp đồn Ninh-lương, đặt châu Thương-vân, đắp thành Thạch-lâm, xin tha thuế đinh, thuế điền cho một năm. Sự dẹp loạn đưa đến sự an dân, sự cai-trị người Mường, người Thái ở Thanh hóa Ninh bình, Hòa bình bây giờ.

Ngoài sự bắt giết các đầu lĩnh, sự trừng-phạt xóa bỏ xã Sơn-âm, *đẩy con cháu nhà Lê vào phía nam Trung-kỳ* (nhưng có lẽ không đẩy hết) (1)

5. —

NGUYỄN THIỆU LÂU

Xã Sơn - âm bây giờ là đồn điền của ông Lecomte, trong tỉnh Hòa-bình.

Những dân ly tán—sau khi làng bị triệt hủy năm 1837—có trở về tụ họp lại nhưng không dám xin khôi phục lại tên và địa bộ của làng, cũng không dám xin lập một làng mới.

Có lẽ vì những điều kể trên mà ông Borel được Chính-phủ Bảo-hộ cho đit đất đai xã Sơn-âm làm đồn điền riêng (tuy những đất đai đó đã sát nhập vào các làng lân cận). Những dân xã tụ họp lại có lẽ đã thành cư li trong đồn điền hay đã phải xiêu bạt đi nơi khác.

Ông Borel sau khi bán lại đồn điền ấy cho ông Lecomte.

Tôi kể trên đây theo như ông Lý-trưởng ở Kẻ-sở, không biết có đúng không: còn phải khảo cứu tại chỗ mới được.

Họ Quách cũng hình như hãy còn nhiều con cháu ở vùng lân cận.

N. T. L.

# Việc trừng phạt trộm cướp trong thời kỳ chiến tranh và sự tổ chức tu pháp cảnh sát

## MỘT ĐẠO DỤ MỚI VỀ SỰ TRỘM CƯỚP

Một đạo dụ ngày 24-3-1944 (do nghị định 19-4-1944 duyệt-y) đã định lại sự trừng phạt trộm-cướp xảy ra trên đất Bắc-Kỳ trong thời kỳ chiến tranh.

Đạo dụ ấy có ba điều đáng chú ý:

1) Tập hợp hay kết dẫy từ 10 người trở lên rồi ngang nhiên cướp phá đồ ăn, đồ uống, hàng hóa và các thứ động sản khác trong thời kỳ chiến-tranh từ nay bị xử tử. Trước kia tội này chỉ bị khổ sai có hạn, (tức là từ 5 đến 20 năm), như thế tức là trước kia nếu toà xét ra có tình-trạng nên giảm (circonstances atténuantes) thì có thể chỉ phạt có 2 năm tù mà lại có thể cho hưởng án treo. Từ nay thì có tình trạng nên giảm nữa thì tội ít nhất cũng là 5 năm khổ sai.

2) Sự trộm cắp trong các nhà bị chiến tranh tàn phá hay những nhà vì chiến tranh mà người ở phải bỏ không hay tạm thời bỏ không trước kia chỉ bị phạt như trộm cắp thường (nghĩa là nhiều lắm thì 5 năm tù, còn nếu có tình trạng nên giảm thì toà có thể phạt tiền rồi cho hưởng án treo). Theo đạo dụ mới thì tội ấy từ nay sẽ bị xử tử. Như vậy nếu có tình trạng nên giảm thì toà cũng không phạt được dưới 5 năm khổ sai.

3) Trên đây, đạo dụ 24-3-1944 đã định lại hình phạt những vụ trộm cướp trong hai trường hợp đặc biệt. Nhưng muốn cho sự hình phạt ấy được hiệu nghiệm và nhanh chóng dự đó lại nói thêm rằng những vụ trộm cướp kể trên đây có thể theo nhờ ý cầu của nhà binh đem ra xử tại Quân-Pháp hội-ngệ (Cour martiale) là một toà án xử xong không còn chống án di dẫu được, và án tuyên xong trong 24 giờ thì tội-nhân có thể bị đem bắn ngay. Đó cũng là một điều nên chú ý vì Quân-Pháp hội-ngệ (cũng như toà án binh thường) là một cơ-quan tối cao từ trước tới nay chỉ họp khi nào hoặc một vài trọng tội đã xảy ra trên hai tỉnh (thuộc Pháp) là Hà-nội và Hải-phòng, hoặc trọng-tội đó đã do người ngoại-quốc, người Pháp hay thuộc dân Pháp (sujet français) phạm vào.

Từ nay thì hai điều kiện ấy không cần nữa; nếu một tội kể trên kia xảy ra thì tội-nhân ấy không phải là thuộc dân Pháp và sự việc đã xảy ra trên đất Bảo-hộ (tức là ngoài địa-phận VI nội và Hải-phòng), Quân-Pháp hội-ngệ cũng có quyền xử thay vào các Nam án các tỉnh

Thật ra thì trên địa-phận Hà-nội và Hải-phòng, và đối với các người thuộc quyền tòa án tây thì từ trước tới nay việc cướp phá và trộm cắp trong các nhà vì chiến tranh mà bị tàn phá hay bỏ không cũng vẫn đem ra Quân-Pháp hội-ngệ và cũng vẫn có thể bị trừng-phạt bằng tử-hình.

Nay đạo-dụ 24-3-1944 đem những hình-phạt và lỗi sự ấy thi hành rộng ra cho khắp mọi nơi và khắp mọi người trong xứ Bắc-Kỳ.

### Việc tư-pháp cảnh sát

Nhưng nói đến sự trừng phạt các vụ trộm cướp ta không thể không nghĩ đến việc tổ-chức tuần phòng.

Người ta vẫn thường phân biệt việc tuần phòng cai trị (police administrative) và việc tư pháp cảnh sát (police judiciaire).

Mục đích sự tuần phòng cai trị là giữ trật-tự và ngăn ngừa những việc phi pháp, còn mục-đích sự cảnh-sát tư-pháp là truy-làm và trừng-nã những phạm nhân.

Các nhĩ chức-trách và dư-luận đã có nhiều dịp chú ý đến cách tổ-chức của việc tuần phòng cai trị ở thôn-quê, căn cứ nhất vào những tuần phiên ở các làng, là những người ngày thì làm công việc đồng áng còn tối thì theo lệ làng ra cầm gậy, ngũ ở điểm canh đề giữ trách nhiệm việc canh phòng cho dân làng, nhiều khi không có lương nhất định, hàng năm chỉ được phép lấy một số kia của chủ điền giả cho, gọi là « lúa sương túc ».

Nay ta nên chú ý đến việc cảnh sát tư-pháp nữa.

Lối tổ chức này phải cố đề đi tới hai điều: điều thứ nhất là phải tìm và bắt cho được những kẻ đã phạm vào luật pháp và tìm bắt cho thật nhanh chóng; điều thứ hai là chỉ bắt và đối hỏi những kẻ phạm tội mà thôi, còn thu không làm bận gì đến lương dân.

Nếu điều trên không đạt thì làm luật hay cũng vô ích, tác hình phạt cũng vô hiệu, vì tội-nhân vẫn ung dung sống ở ngoài vòng pháp-luật mà kẻ rập rập làm bậy nghĩ đến tội, đến tòa án cũng không sợ nữa.



THƯ-XÃ  
ALEXANDRE DE RHODES

MỜI XUẤT BẢN

# LÊN TÂM

của TÂN-ĐÀ

80 trang lớn, khổ 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 4 màu của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh. Một cuốn sách lập-dục rất lý-thú bằng thơ của thi-sĩ Tân-Đà để dạy những trẻ em, được học và được vui-thích.

Bản thường.. .. 1\$50

Bản giấy Đại-La .. .. 6,00

cước .. .. 0,50

— TÔNG PHÁT HÀNH —  
MAI-LÍNH — HANOI

THƯ-XÃ ALEXANDRE DE RHODES

MỜI XUẤT BẢN

# LUC VAN TIEN

(quyển nhất)

bản dịch của DUONG QUANG HAM  
Pháp-văn và Việt-văn đối chiếu, kèm tranh của MẠNH QUỲNH.

Sách dày 250 trang khổ 17×23

Bản thường. . . . 4\$00 (cước 0\$60.

Bản giấy láng. . . 10\$00 (cước 1\$20

Tổng phát hành :

MAI-LÍNH

21, Rue des Pipes.

HÀ-NỘI

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

214, Hàng Bông — HÀ NỘI

HAI CUỐN SÁCH MỚI :

NGÂM NGẢI TÌM TRẦM

(Thanh Tịnh)

2\$00

VANG BÓNG MỘT THỜI

(Nguyễn Tuân)

5\$00

Đang in :

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ ?

HOÀNG ĐẠO THUY (Tái bản)

HƠI THỞ TÀN

(NGUYỄN HỒNG)

T H Ờ I Đ A I

TỦ SÁCH «TÂN VĂN HÓA»

— HÀN-THUYỀN PHÁT HÀNH —

5-5-4 SẼ CÓ BÁN :

# Xã hội Việt nam

LƯƠNG ĐỨC THIẾP biên khảo

Nguồn gốc xã hội Việt-nam — Lịch sử tiến hóa của dân Việt nam — Giải thích các kiến rúc kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội Việt nam — Con đường phát triển hiện thời của xã hội Việt nam:

SẮP XUẤT BẢN :

PHÊ BÌNH

— VĂN CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU —

của NGUYỄN BACH KHOA

# Hàn thuyên

— 71, Tiên-tsin — HANOI —

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR, GÉNÉRAL DU 1<sup>er</sup> MHI-1939 N° 3089

Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE — Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN — Imp. spéciale du THANH-NGHI